

安南高蠻哀牢地輿演歌

AN-NAM CAO-MIÊN AI-LAO

ĐỊA-DU' DIỄN CA

GÉOGRAPHIE

DE

L'ANNAM, DU CAMBODGE ET DU LAOS

traduite en vers annamite

PAR

CAO-ĐĂNG-NGẠN

GIÁO-HỌC

(Phú-lương — Hanam)

Prix.....0\$30



HANOI

IMP. MAC-DINH-TU

1918

DEROT LEGAL  
INDOCHINE

N<sup>o</sup> 8456

80 Ind-ch.  
659

... và ...

... và ...

... và ...

... và ...

... và ...

... và ...

... và ...

... và ...

... và ...

... và ...

... và ...

... và ...

... và ...

... và ...

... và ...

... và ...

... và ...

CAO-DANG-NGAN

# ĐỊA-DU

## PHẦN THỨ NHẤT

LƯỢC ĐIỂN ĐỊA-DU CHUNG CẢ BA NƯỚC

(AN-NAM, CAO-MIÊN, AI-LAO)

### GIỚI KIẾT

Ba nước là đất thế nào?  
ba nước giải đất lớn-lao tốt-lành.  
Đông-nam châu Á rành rành;  
ở giữa Thiên-chúc, Đại-thanh đầy mà.  
Nam thì giải Malacca;  
Tây thì Diên-diện, giữa là nước Xiêm.  
Đông còn tóm lại nhiều miền;  
Trung-kỳ, Nam, Bắc, Cao-miên, nước Lào.  
Đã riêng tên gọi thế nào;  
Đông-dương thuộc địa của trào Lãng-sa.  
Tây giáp Diên-diện, Xiêm-la;  
Bắc thì giáp nước Chi-na địa đầu.  
Đông-nam điều giáp bể Tàu;  
Bắc-kỳ vụng ấy một đầu vụng Xiêm.  
Địa đồ nhìn kỹ mà xem;  
chừng bảy mươi hai vạn liền kilô (*kilomètres*).

### NÚI NON

Nơi thì rừng núi lô-mô;  
thập cao dứt nôi, lô-nhồ chẳng bằng.

Nơi thì cồn đồng thẳng-răng;  
nơi thì những khoác đồng bằng bao-lao.

Đây này một rẫy núi cao;  
ở về phía bắc nước Lào Tonkin (*Bắc-kỳ*).

Buông ra hai rẫy song hành;  
quanh-quanh vây bọc như hình tay ôm.

Rẫy tây-bắc đền đông-nam;  
rẫy đông-bắc, đền tây-nam ngút ngàn.

Ngọn thì cao đền hai nghìn;  
có ngọn phía bắc ba nghìn thước tây.

Nơi cao, nơi thấp chẳng tầy;  
càng sang đông hướng, cao rẫy kém đi.

Thấp là điền địa Bắc-kỳ;  
Nhị-hà tràn nước tức thì lụt to.

Thượng Lào cồn núi lô-mô;  
thong-dong chạy thẳng ăn vô Trung-kỳ.

Thẳng-răng chạy đền Nam-kờ (*kỳ*);  
Hoành-sơn núi ấy theo bờ bể ta;

Sườn đông đổ xuống bể mà;  
sườn tây đổ xuống sông là Mékông.

Chạy qua thung lũng cánh đồng;  
qua nhiều rừng núi đền dòng Ménom.

Đông-diên bắc cũng như nam;  
Mékông nước lớn giới làm lụt ngay.

Nhiều miền đất thấp sâu thay;  
quanh năm ứ nước chẳng ngày nào không.

Cao-miên Des Lacs một vùng;  
Camau đồng Cói ở trong Nam-kỳ.

Phía nam có rặng núi chi;  
rong theo bãi bể địa thì Cao-miên.

Vây ngăn một khoác đồng-diển;  
từ Chantaboun đến liền Kampot.

Thập cao ngọn núi lô-nhô;  
thước tây nhằm-ngắm cũng so một nghìn.

### BÃI BÈ

Đông-dương Pháp bãi bè liền;  
dài kilométres hai nghìn năm trăm.

Hình trông như chữ S nằm;  
khúc lồi, khúc lõm khoãm-khoãm nằm khoèo.

Lơm-chơm những đá tai mèo;  
có ba khúc thật cheo-leo lạ-lùng.

Bắc-kỳ thì vụng d'Along;  
Chou-may giải đất ở trong Trung-kỳ.

Vụng Xiêm hiểm-hóc khôn bì;  
kể từ La Table mà đi núi Krat.

Giáp đông bãi bè đây mà;  
vừa bằng, vừa thập thật là sinh thay.

Lơ-thơ từng đồng cát đầy;  
chiều cao phồng độ thước tây một vớ.

Cửa ra vụng bắc đây mà;  
được yên sóng gió, chẳng qua nhiều gò.

Tàu bè cho đến thuyền to;  
thong-dong đi lại chẳng lo tí gì.

Vụng Xiêm và bãi Trung-kỳ;  
thật cheo-leo lắm, chỉ vì gió to.

Saigon cửa biển cũng to;  
Hải-phòng cửa bè thật to lạ-lùng.

Tàu bè phải đậu vào trong;  
thủy-chiều chờ nước theo giòng mà vô (vào).

### KHÍ GIÒI

Khí giời nóng rét ẩm khô;  
xem châm-hàn-thử mà so mới tường.

Nhiệt-đạo là cõi Đông-dương;  
thấp cao nóng rét khác thường tùy nghi.

Cao-miền và xứ Nam-kỳ;  
ở gần xích-đạo nóng thì cũng hăng.

Saigon và tỉnh Phnom-penh;  
quanh năm độ nắng vẫn hằng ba mươi.

Hai năm độ rét mà thôi;  
ây là những tháng, khí giời mát hơn.

Trung-kỳ xa xích-đạo hơn;  
cho nên xứ Huế mát hơn ít nhiều.

Ba mươi độ nắng cũng điều;  
còn như độ rét một chiều hai mươi.

Bắc-kỳ độ nắng ba mươi;  
rét thì mười sáu khí giời hanh-hanh.

Xiêng-khouang và tỉnh Trân-ninh;  
mười ba độ rét, nắng thành hăm ba.

Đông-dương gió thổi điều hoà;  
mùa đông gió bắc, mùa hè gió nam.

Vụng Kỳ bắc, bãi Kỳ nam;  
hạ, thu giáp tiết, thường làm bão to.

Đồ nhà cửa, đấm thuyền dò;  
hại người, hại của, biết cơ hội nào.

Gió nồm tự bề thổi vào;  
bộc lên khí nước ào-ào mưa sa.

Gió may tự dật thổi ra;  
xuân, đông rét lắm, nhưng mà ít mưa.

Đông-dương khí độc chẳng vừa;  
hay sinh bệnh tật, chẳng chữa ai đâu.

Ta thì sốt rét rức đầu;  
Tây thì tả, lỵ, đau bầu lá gan.

Lại còn sốt rét thương hàn;  
bệnh dịch, bệnh tả, vô vàn bệnh lây.

Ấy vì dật thấp, đông lầy;  
hay sinh những chứng bệnh này liên-liên.

Còn nơi bãi bễ núi liền;  
Đưa nhau hóng mát thiên nhiên tốt lành.

Sâm-sơn bãi bễ tỉnh Thanh;  
Đồ-sơn bãi bễ có danh đường ngoài.

Núi thì những ngọn núi này;  
Lang-biên, Tam-đảo núi này rất cao.

Trân-ninh là núi trong Lào;  
khí lạnh gió mát, biết bao nhiêu mà.

Người tây cho chí người ta;  
mùa hè hóng mát, thật là phong lưu.

### SÔNG NƯỚC

Đông-dương sông nước cũng nhiều;  
nhưng đây lược kể mấy điều qua qua.

Bắc-kỳ có giải Nhị-hà;  
Thái-bình giải ấy cũng là lớn-lao.

Mékông chảy giữa nước Lào;  
Donnai nước chảy thao-thao tứ thì.

Nhiều sông ở xứ Trung-kỳ;  
Hoành-sơn núi ấy tí-tí chảy ra.

Chảy tuôn cho đên bề mà;  
vừa nông, vừa hẹp, gọi là sông con.

Nhiều sông nam, bắc hãy còn;  
những sông phía bắc chảy giống Si-kiang.

Nam còn tiếp giáp vụng Xiêm;  
sông nào lân cận chảy liền xuống ngay.

Đầu năm nước cạn lắm thay;  
nhiều nơi cạn kiệt, rút giầy lội qua.

Nhưng từ tháng sáu, bảy mà;  
nước lên lớn quá, ấy là lụt to.

Nhiều sông úng tắc khôn dò;  
núi, non, gềnh, thác, quanh-co khó lòng.

Có sông chảy giữa cánh đồng;  
xưa kia là vụng, nay dòng phù sa.

### CẢNH-THỒ

Đông-dương thồ-sản lược qua;  
lắm rừng, nhiều ruộng, thực là phì-nhiều.

Rừng kia cây cối rất nhiều;  
đồng kia lúa, mạ, mĩ-miểu tốt xanh.

Cũng vì khí nóng giới hanh;  
cho nên cây-cối tốt xanh khác thường.

Còn về loài vật Đông-dương;  
điều được béo tốt phi thường lắm thay.

Trên rừng khỉ, cọp, voi, nai;  
dưới đồng trâu, ngựa, chen vai đi về.

### NHÂN SỐ

Người ta sinh sản dễ-huê;  
số người mười bảy triệu về Đông-dương.



Dân cư ăn ở khác thường ;  
núi-non, rừng-rú dân mừng ở thưa.

Bờ sông, bãi bể đông vừa ;  
đồng bằng đông lắm, dân cư hẹp-hòi.

Dân Mừng tan-tác mọi nơi ;  
nay đây, mai đó đòi rời kiếm ăn.

Hoành-sơn, Lào thượng, Tonkin ;  
mỗi nơi một khác, tính danh tổ tông.

Dân Mèo, dân Mán, dân Mừng ;  
dân Cham, dân Thái, dân Nùng, dân Kha.

Dân Yao, dân Mọi đây mà ;  
Lolo dân ấy cũng là dân Khmer.

Dân Cham trước chiếm Trung-kỳ ;  
dân Khmer vẫn ở Nam-kỳ, Cao-miên.

Đền sau dân Bắc vào càn ;  
phải lùi vào ở trên ngàn núi cao.

Dân Thái biệt ở nơi nao ;  
đem nhau lên ở nước Lào rừng xa.

Người Tầu xiết kể bao mà ;  
dâu-dầu cũng có, nhất là Đông-dương.

Các dân không biết yêu-đương ;  
hàng năm loạn-lạc, chiến-trường liên-liên.

Tới khi Đại-pháp sang liền ;  
một miền thuộc-địa, bốn miền giữ cho.

Được yên cho đến bây giờ ;  
mọi nơi suy phục dưới cờ làm dân.

Toàn-quyền là chức Đại-thần ;  
cầm cờ cai trị các phần Đông-dương.

Ân-cần coi-sóc yêu-đương ;  
Saigon, Hà-nội người thường ngự liền.

Phnom-penh tỉnh chính Cao-miên;  
Nam-kỳ tỉnh Huế, Vientian Laos;  
Bắc-kỳ Hà-nội kinh đô;  
Saigon ấy chính kinh-đô Nam-kỳ.

### CỬA CÁI VÀ QUAN TÂY Ở ĐÔNG-DƯƠNG

Đông-dương phong phú khôn bì;  
ruộng thì lắm lúa, rừng thì nhiều cây.

Lại còn các mỏ rẫy đây;  
bạc, vàng, kẽm, thiếc, than rẫy đang khai.

Vô vàn, vô số hoá tài;  
đâu-đâu cũng có, đường ngoài lắm thay.

Bể sông cá mú ai hay;  
tôm kia, cá nọ, xưa nay rất nhiều.

Càng thêm phong phú bao nhiêu;  
vì quan Đại-pháp sửa nhiều đường đi.

Chạy thông Nam, Bắc, Trung-kỳ;  
ù-ù xe máy, ỳ-ỳ xe tay.

Lại thêm xe lửa lạ thay;  
cây kilômètre ước nay hai nghìn.

Rằng-rặc giầy-thép hoành tiên;  
dài hơn một vạn năm nghìn kilô. (*kilomètres*)

Mở mang bên xá tầu đò;  
qua sông, vượt bể, tải đồ đi liền.

Nam-kỳ tải đên Cao-miên;  
sang gò Philip, sang Xiêm, sang Lào.

Tải sang Hương-cảng, Ma-cao;  
sang Tàu, sang Nhật, ghé vào Bắc-kinh.

Đền nêu lên sạn thác, ghềnh;  
chạy qua biển đỏ là gần đền Tây,  
Thuận dòng chạy đến Marseille;  
ây là cửa biển nước Tây rõ-ràng.

### BUÔN BÁN

Thêm nhiều đường xá mở mang;  
tải cảng chóng-vánh, hàng càng dễ buôn.  
Đồ hàng xuất cảng luôn-luôn;  
đậu, ngô, lúa-má, từng muôn, từng ngàn.  
Hổ-tiêu, tôm, cá, vô vàn;  
rất nhiều tơ lụa, chần vàn gỗ, da.  
Ngũ kim, đá mỏ, chở ra;  
còn như than mỏ, biết là bao nhiêu.  
Đồ hàng nhập cảng cũng nhiều;  
đã nhiều thuốc lá, lại nhiều dầu tây.  
Chè tàu, thuốc lá, đường tây;  
Rượu vang, thuốc phiện, sa tây, nhiều tàu.  
Nào cát-bá, nọ chúc-mâu;  
nào là đồng, sắt, bán thâu đêm ngày.  
Cửa biển có bốn nơi này;  
Tourane trong Huế, ngoài nay Hải-phòng.  
Cao-miên cửa biển Phgom-penh;  
Saigon cửa biển ở trong Nam-kỳ.

## PHẦN THỨ HAI

LƯỢC DIỄN ĐỊA-DU RIỀNG VỀ XỨ BẮC-KỲ

### ĐA GIỚI

Xem riêng địa-giới Bắc-kỳ;  
tại Đông-dương Pháp nó thì ở trên.  
Nước Tàu giáp khắp bắc biên;  
Ai-lao tây hướng, nam biên Trung-kỳ.  
Đông liền với vụng Bắc-kỳ;  
rộng mười vạn ba nghìn kilômê (*kilomètres*).  
Đem Đông-dương Pháp sánh tề;  
bền hơn phần sáu chẳng hề suy vi.

### NÚI NON

Xem qua địa thê Bắc-kỳ;  
xứ thì rừng núi, xứ thì ruộng nương.  
Rừng xanh, núi đỏ lạ dường;  
núi kiêu cao lắm, núi nhường thấp hơn.  
Mường-bổ, Fan-sinan sơn;  
thước tây đo giáng cao hơn ba nghìn.  
Chênh-vênh ở giữa một miền;  
một bên sông Bắc, một bên Nhị-hà.  
Trông theo giáp cảnh Chi-na;  
cùng bờ tả ngạn Nhị-hà mà xem;  
Núi thì cao đến một nghìn;  
núi thì cao vượt, hai nghìn thước tây.  
Thượng-du chính những miền này;  
chim kêu, vượn hót, đêm ngày liú-lô.

Đông, nam còn núi lô-mô;  
càng đi càng thấp, lô-mô chẳng kỳ;

Yên-thê, Tam-đảo, Ba-vì;  
nghìn hai trăm thước, kể thì không kiêu.

Non-non, núi-núi còn nhiều;  
cao vài trăm thước, bấy nhiêu là cùng.

Ăn theo mãi đèn Ki-kong (*kỳ-cùng*);  
Bắc-kỳ vụng ấy là cùng sơn lâm.

Trung-châu đây hẳn không nhằm;  
long-bong chuồng chông, ý-ấm ngựa xe.

Thượng-du nhiều núi dài ghê;  
bắc, tây chạy thẳng, hướng về nam, đông.

Làm triển đồ nước xuống sông;  
như chia nước chảy, hai dòng đôi ngang!

Sông Thao từ đây dờ-dang;  
dần-dần đổi hướng, ngang-tàng bắc, nam.

Từ đông-bắc, đến tây-nam;  
ấy là hai phía giới làm tự-nhiên.

Địa-đồ lườn đất nhìn xem;  
như hai rẻ cái quạt mềm xoè ra.

Trung-châu điển địa xem qua;  
có hình tam bản, thật là khéo thay.

Việt-trì góc tóm hai giây;  
Bắc-kỳ vụng ấy, thật hai bờ năm.

Mới bồi được mấy trăm năm;  
xưa kia là bể, nay làm ruộng giàu.

Giữa đồng có núi ở đâu;  
ấy là gò đồng bể sâu mới bồi.

Núi Non, núi Đọi, núi Gôi;  
Đỗ-sơn, Phủ Liễn, ngoài khơi mới vào.

BÃI BỀ

Coi qua bãi bề thế nào;  
khúc lồi, khúc lóm, ăn vào, ăn ra.

Móng-cái cho đèn Cát-bà;  
lơm-chơm ghênh đá, thật là lô-mô.

Thập cao đứt nôi lô-nhỏ;  
Fai-tsi-long vụng với hồ d'Along.

Nhiều nơi đá mọc lòng-chông;  
gỗ-ghê, lơm-chơm, khôn vòng đi qua.

Ké-bao, la Table, Cát-bà;  
sau ba gò ấy, thật là bình yên.

Cát-bà về hướng nam biên;  
sàn-sàn bãi giáp, đồng-diễn thập ghé.

Đại-hà mây cửa gản kê;  
thuyền ra, gỗ đèn, mảnh vế, tẩu sang.

Đèn nêu chỉ lối dẫn đàng;  
ngoài khơi thầy đã biết luồng mà vô (vào).

Nor-way đó, nọ Hòn-dâu;  
ấy hai đèn chiều tẩu giờ Hải-phòng.

KHÍ GIỜ

Mùa hè Hanoi nắng hung;  
tháng năm, tháng chín, độ cùng ba mươi.

Nhưng từ tháng một rét giờ;  
giêng, hai, ông khí dưới mười lăm thời.

Thượng-du là xứ xa-xôi;  
thuộc về ôn đạo, khí giờ rét hung.

Bác-kỳ rét-mướt lạ-lùng;  
tây, nam phải mặc áo bông, áo mền.

---

Những tháng kể đây là những tháng tây.

Hai, ba là tháng mưa liên;  
mưa xuân lún-phún, thổi rên gió may.

Nồm nam là gió lạ thay;  
mưa rào xinh-xịch, xuất ngày cũng nên.

Tháng bảy, tháng chín liên-miên;  
nhiều năm mưa lũ, nước lên vỡ đường.

Có khi bất hạnh từng phương;  
nhưng mà vùng bắc, bão thường như chơi.

Trong vòng tháng tám, tháng mười;  
nhiều năm bão lớn, chêt người đổ cây.

### SÔNG NƯỚC

Bắc-kỳ sông nước thề nào;  
chia làm hai tụi chảy ngay hai đàng.

Băng-giang, Kỳ-cùng, Bắc-giang;  
ba sông đều nhập Si-kiang bẻ Tàu.

Thái-bình sông Nhị hai đầu;  
chia nhiều sông chánh, sông Cầu, sông Thương.

Lục-nam, sông Chày, sông Lương;  
sông Thao, sông Đáy, cùng luồng sông Noire.

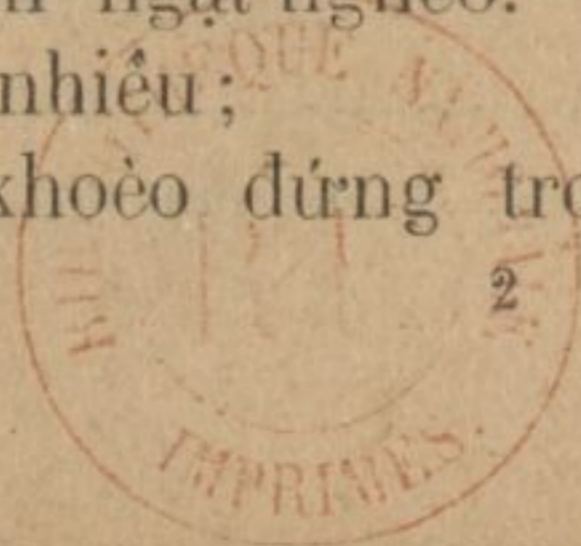
Thái-bình với giải Nhị-hà;  
chảy ra vùng bắc, biết là bao nhiêu.

Mà còn chứa nước rất nhiều;  
lắm năm nước lũ, cheo-leo lạ-lùng.

Có khi nước lớn chận sông;  
trong làng mấp-mé, ngoài đồng mòng-mênh.

Bờ sông đê đập như thành;  
giữ-gìn dân-sự, chung quanh ngặt-nghèo.

Lòng sông cát nổi cũng nhiều;  
tàu thuyền mắc cạn, nằm khoèo đứng tro.



Cửa sông dòng cát tro-tro;  
tàu vô khôn được, phải chờ nước lên.

### SỞ NGƯỜI

Bắc-kỳ sáu triệu dân đen; <sup>(1)</sup>  
tính gồm tất cả dân quen ở rừng.  
Dân Mèo, dân Mán, dân Mường;  
dân Yao, dân Thổ, đốt nương ở chòi.  
Hay đi săn bán kiếm mối;  
giống ngô, cây lúa, trên đồi, dưới thung.  
Không hay buôn bán tứ tung;  
không hay kỹ nghệ, chỉ dùng độ thân.  
Còn người thành thị hoa dân;  
vôn kinh mường, mán, lăm thân, nhiều ma.  
Có ai phải đèn dây mà;  
liệu về cho kịp, nhất là công không.  
Phần nhiều chỉ thích canh nông;  
non năm triệu rươi, chỉ trông một nghề.  
Bắc-kỳ diên địa rộng ghê;  
rất nhiều lúa-má, bông huê, hoa màu.  
Còn nghề đánh cá, lưới câu;  
rất tài lặn lội bể sâu, sông dài.  
Còn nghề buôn bán bỏ ngoài;  
vợ con thương mại, đủ sài thì thời.

### CAI TRỊ

Ngoài ba mươi mấy năm giờ;  
Bắc-kỳ suy phục quyền người Lãng-sa,

---

(1). — Sở người Bắc-kỳ chừng độ sáu triệu rươi.



Ngài sang bảo-hộ cho ta;  
một nghìn lẻ tám trăm và tám tư.

Trung-châu cho đền Thượng-du;  
tây, nam điều có quan-tur giữ-gìn.

Nguyên theo luật lệ như in;  
một niêm phép-tác, đổi thêm ít nhiều.

Xã gồm ba, bốn làng theo;  
giao quyền lý-trưởng, hội nhiều quan-viên.

Tổng gồm tám, chín xã liền;  
hai tên chánh, phó, được quyền coi dân.

Huyện gồm năm, sáu tổng dân;  
phủ gồm bảy, tám tổng nhân hoành-hoành.

Huyện thì quan-huyện thi hành;  
phủ thì quan-phủ, kinh doanh gồm quyền.

Tỉnh gồm mấy phủ, huyện liền;  
có toà quan lớn cầm quyền trị dân;

Tỉnh to Tổng-độc đại-thần;  
bé thì Tuần-phủ đại-nhân tổ-tường.

Có quan Ân-sát-sứ đường;  
có quan Độc, Giáo học-trưởng lễ nghi.

Thượng-du luật lệ như y;  
có quan cai trị, kém gì trung-châu.

Mỗi chòm có kẻ đứng đầu;  
mỗi châu cũng có quan-châu thi hành.

Quan tây phẩm tước hoành-hoành;  
vâng quyền nước Pháp, thi hành hộ dân.

Kia quan Phó-sứ đại-nhân;  
Giám-binh võ tướng, văn thần, lương y.

Kia quan Kho-bạc chủ ti;  
kia quan Giây-thếp điện đi, điện về.

Kia quan Lục-lộ coi đê;  
tuỳ tòng Công-sứ chẳng hề trì duyên.  
Quan nào cũng có bộ riêng;  
các quan chính bộ có quyền giáng thăng.  
Việc làm tốt xấu nên chẳng;  
ghi vào lý lịch, ví bằng chung thân.  
Các quan Công-sứ đại-nhân;  
các quan chánh, phó đại-thần Lãng-sa.  
Thuộc quyền Thông-sứ phủ nha;  
vâng theo nghị định để mà coi dân.  
Triều quan định vuôi triều dân;  
điều gì ích quốc, lợi dân thì làm.  
Hội đồng bảo-hộ các quan;  
hội đồng hào-kiệt, chỉ toàn người dân.  
Bác-kỳ khắp cả xa gần;  
thuộc quyền Thông-sứ ân cần coi chần.

### TỈNH THÀNH

Bác-kỳ hăm năm tỉnh dân;  
tỉnh gồm bốn đạo về phần quan binh.  
Thượng du sáu tỉnh phân minh;  
Lai-châu với tỉnh Cao-bằng xa-xa.  
Biện-điền phủ, với Sơn-la;  
Hà-giang với tỉnh gọi là Lao-kay.  
Đồn binh, Đại-lý thê này;  
có mười ba sở, thật hay tổ tường.  
Văn-yên, Ba-xát, Mường-khuông;  
Đông-văn, Bảo-lạc, Bắc-quang, Nguyên-binh.  
Pa-kha, Phong-thổ, Yên-ninh;  
Quảng-yên, Đông-khê với Hoàng-su-phi.

Trung-châu mười tỉnh phân chi;  
Lạng-thương tỉnh lệ, tỉnh thì Bắc-giang.  
Thái-nguyên, Yên-bái, Tuyên-quang;  
Lạng-sơn, Bắc-cạn, Quảng-yên rành rành.  
Móng-cái, Phú-thọ, Hoà-binh;  
đồn binh, Đại-lý rõ rành mười lăm.  
Thật-khê, Hưng-hoá, Nhã-nam;  
Tiên-yên, Hà-cối, Na-châm, Lộc-binh.  
Chợ-chu, Đinh-lập, Văn-binh;  
Lục-nam-châu vuôi đồn binh Cát-bà.  
Lục-nam Đại-lý không xa;  
An-châu Đại-lý đồn là Đông-dăng.  
Lại xem mười tỉnh đồng bằng;  
Sơn-tây, Nam-định Thái-binh, Hưng-yên.  
Hà-dông, tỉnh Bắc, Kiên-an;  
Hải-dương và tỉnh Vĩnh-an, Ninh-binh.  
Tám nơi Đại-lý đồn-binh;  
Nho-quan, Phát-diệm phân minh rõ-ràng.  
Lạc-quần, Phú-lý, Ninh-giang;  
Bản-yên-nhân với Phúc-yên, Đông-triều.  
Có hai thành phố mỹ miếu;  
Hải-phòng, Hà-nội luật triều Lãng-sa.  
Hội đồng thành phố mở ra;  
quan Tây Độc-lý ấy là chủ-trương.

### THỔ SẢN

Bắc-kỳ thổ sản khôn lường;  
sắt, chì, kẽm, thiếc, bạc, vàng, đồng, thau.  
Mỏ than thật có vô vàn;  
từ Sept-pagodes chạy tràn d'Along.

Ăn lương khắp cả một vùng;  
Quảng-yên ấy cũng ăn thông Đông-triều.  
Cái-bầu mỏ ấy cũng nhiều;  
Hon-gay mỏ ấy bao nhiêu cũng là.  
Người làm tinh những người ta;  
năm nghìn có lẽ, của là bao nhiêu.  
Mỏ vùng Lang-hít cũng nhiều;  
gần Tuyên, gần Thái, gần kiêu Thanh-moi.  
Ấy là mỏ kềm đang khai;  
công trình hội đại phát tài biết bao.  
Đang khai mỏ thiếc nơi nao;  
ở vùng Pia-quac giáp vào Nguyên-bình.  
Núi Voi và núi chung quanh;  
khai ra thứ đá, để dành nung vôi.  
Ciment tốt nhất trong đời;  
nổi danh sở nầu, lò vôi Hải-phòng.  
Muôi là giống nhất cần dùng;  
Kiên-an, Nam-định gia công mà gần.  
Núi non, của-cải vô ngần;  
Bắc-kỳ rừng-rú, muôn vàn thứ cây.  
Bồ-đề cần nhất các cây;  
đóm diêm chỉ dụng những cây bồ-đề.  
Còn nhiều thứ gỗ làm nghề;  
lim, mun, gụ, trắc, gội, gie, sên, vàng.  
Cây sơn, cây rựa, cây vang;  
song, mây, mái, nứa, bương, luồng, hóp, tre.  
Củ-nâu, cánh-kiên ê hể;  
ấy là nói lược của về núi non.  
Đồng bằng màu-mỡ hãy còn;  
không nguyên lúa mạ xanh nom đầy đồng.

Lại còn nhiều thứ quen dùng;  
phần thêm lương thực, phần dùng bách công.

Khoai lang, khoai sọ, khoai bông;  
mía giấm, sắn cẩm, ngô giống, đậu tra.

Kia cải, riệp, nọ dừa, cà;  
mùa nào thức ấy, thật là lắm rau.

Cây giầu, cây thuốc, cây cau;  
cây vừng, cây lạc, thầu-dầu, cà-phê.

Cây bông, cây gió, cây me;  
đại hồi, cây xà, cây chè, cây giầu.

Lại nuôi lục súc đủ dẫu;  
thỏ, dê, chó, lợn, chim câu, vịt, gà.

Thượng-du nuôi biết bao mà;  
nhất là dê, ngựa, nhất là bò, trâu.

Thuyền chài rất bọm lặn sâu;  
bắt nhiều tôm, cá bể sâu, sông dài.

Được thì đem cá muối hoai;  
đi xa mà bán, phát tài hơn tươi.

### KỸ NGHỆ

Phần nhiều đá mỏ mới khai;  
liền đem xuất cảng ra ngoài y nguyên.

Bắc-kỳ kỹ nghệ ngày truyền;  
tây, nam điều mở sở chuyên làm nghề.

Những nhà sở nguội tài ghê;  
hoả-xa, tàu-thủy, nhất tể sửa-sang.

Lò nung vôi, đá ciment;  
lò nung gạch, ngói, trang hoàng sắc hoa.

Máy cưa gỗ, sở thuộc da;  
máy diêm, máy sợi, cùng nhà máy tơ.

Kìa nhà xe-điện thân cơ;  
tự-nhiên xe chạy, chẳng nhờ sức ai.  
Lại nhà đèn-điện cũng tài;  
tự dựng đèn sáng, trong ngoài dầu-dầu.  
Nhà in sách, sở bán dầu;  
kìa nhà máy nấu rượu tàu, rượu tạ.  
Nọ nhà máy giấy mở ra;  
lại nhà máy nước chảy qua phố phường.  
Máy say lúa, sở kính-hương;  
nhà làm thuốc lá, nhà trường canh-nông.  
Hiệu thêu, dệt, sở sà-phòng;  
hiệu làm cúc áo, nguyên dùng óc trai.  
Sở làm chiếu, hiệu khám trai;  
lò nung bát, gạch, ở ngoài nhà-quê.  
Thợ rèn, thợ bạc, thợ nề;  
thợ thêu, thợ mộc đi về vùng vinh.

### BUÔN BÁN

Bắc-kỳ thương mại thật tinh;  
tải sang nước Pháp, nhật trình rất xa.  
Nào ngô, nào gạo, nào da;  
nào là bông, nái, nào là cà-phê.  
Nào là đồ khám, nào chè;  
nào là đá mỏ biết là bao nhiêu.  
Tải sang Bắc-quốc cũng nhiều;  
đã nhiều gạo trắng, lại nhiều cá khô.  
Bông, than, hàng kiện, hàng bò;  
bao nhiêu chiếu đậu, da bò tải sang.  
Tây đem sang làm đồ hàng;  
rất nhiều then máy, thép gang, kẽm, đồng,

Lại nhiều vải, giầy, giạ, nhung ;  
lại nhiều bột, rượu, từng thùng lớn-lao.

Đồ ăn muối trữ trong bao ;  
thứ nào cũng có, mùa nào cũng xoi.

Nước Tàu chở đèn tận nơi ;  
từng cặn vàng diệp, mây muôn thạp chè.

Tải sang dầu mỡ nhiều ghê ;  
vô vãn đĩa bát, ê hê giầy nhỏ.

Thượng-du sản lời sang Ngô ;  
dem sang kềm thiếc sông ngâu và chè.

Lại mua hàng tầm, lượt, the ;  
lại buôn vải, sợi, thuốc, chè sang ta.

### ĐƯỜNG XÁ

Những đê đắp dọc đại-hà ;  
quan tây sửa lại lộ xa xuyên hành.

Thêm nhiều đường xá tung hoành ;  
thông thương buôn bán vừa nhanh vừa gản.

Những đường quan báo xa gản ;  
cây kilômètres tám ngàn chín trăm.

Phần nhiều khấp-khènh lăm-nhăm ;  
ước chừng năm nghìn bảy trăm cây bằng.

Ù-ù xe máy phăng-phăng ;  
âm-âm xe ngựa thặng-rặng cả ngày.

Chín đường quan báo thể này ;  
chầu vào Hà-nội, như cây nhiều cành.

Một từ Hà-nội vào Kinh ;  
đi qua Nam-định, Ninh-bình vào trong.

Hai từ Hà-nội, Hải-phòng ;  
qua Sept pagodes một giòng thẳng băng.

Ba từ Hà-nội, Cao-bằng ;  
Thái-nguyên, Bắc-cạn thẳng bằng một dằng.  
Bốn từ Hà-nội, Hà-giang ;  
đi qua Sơn, Hạc, Tuyên-quang lối này.  
Năm từ Hà-nội, Lao-kay ;  
qua Hưng, Yên-bái, đường này chẳng sai.  
Sáu từ Hà-nội, Hon-gay ;  
Bắc-ninh, Phú-lạng, đường này tiện hơn.  
Bảy từ Hà-nội, Lạng-sơn ;  
Lạng-thương sang Kép, tiện hơn mà gần.  
Tám từ Hà-nội, Nho-quan ;  
qua Hoà-bình, tỉnh Giã-nam bước chôn.  
Chín từ Hà-nội, Đô-sơn ;  
Hải-dương đi hết, tới luôn Hải-phòng.  
Lao-kay, Móng-cái một dòng ;  
có đường quan báo theo rong giới Tàu.  
Tiên-yên tỉnh Lạng bắt đầu ;  
Thật-khè đi hết, lên thâu Cao-bằng.  
Đi qua Bảo-lạc, Hà-giang ;  
ây là đi hết con dằng giáp Ngô.  
Sang Lào lối tắt khi khu ;  
một từ Hưng-hoá, tới cù Sơn-la.  
Điện-biên phủ cũng phải qua ;  
đi qua hạt đó gọi là Lai-châu.  
Hai từ Suối-dút bắt đầu ;  
Sam-neua dền đó là đầu Laos  
Vân-nam xe hoả bên Ngô ;  
bốn trăm sáu bốn ki lô mét dài.  
Ăn về địa phận đường ngoài ;  
hai trăm chín sáu chạy dài ki-lô. (*km.*)



Hải-phòng nối Yunan-fou;  
Hải-dương, Hà-nội chạy vùng Phúc-yên.

Chạy tàu cho đèn Vĩnh-yên;  
Việt-trì, Phú-thọ chạy liền cả ngày.

Lại qua Yên-bái, Lao-kay;  
đi cùng địa phận sang ngay Trần-phòng.

Lại đường Hà-nội, Lạng-sơn;  
một trăm sáu bảy chẳng hơn cây nào.

Chạy quanh tỉnh Bắc, Đáp-cầu;  
Lạng-thượng sang Kép, qua cầu tới ga.

Còn đường xe hoả thứ ba;  
ba trăm hai chục, lẽ là sáu cây.

Tỉnh Hà vào Nghệ đường này;  
Hà-nam; Nam-định vào ngay Ninh-bình.

Có đường nối vười ga Vinh;  
chắc sau Hà-nội nối quanh Saigon.

Đông-dương tên gọi cũng hùng;  
vì là đường sắt suốt vùng Đông-dương.

Còn con xe lửa hai đường;  
Hon-gay đường ấy, để thường chở than.

Cầm-giàng nối vười Ninh-giang;  
là đường cho khách, chở hàng bán buôn.

Hà-thành xe-điện chạy luôn;  
quanh-quanh phố xá chạy luôn Hà-dòng.

Bắc-kỳ khắp cả tây, đông;  
có giây điện-báo giăng vòng dọc ngang.

### ĐƯỜNG THỦY

Bắc-kỳ sông nước nhiều hàng;  
đường như mạch máu chạy hoang trong mình.

Tàu bè xuôi ngược vung vỉnh;  
bên tàu Hà-nội nam thành rất đông.

Những mùa nước cạn lòng sông;  
những tàu xâu đáy khôn thông đi về.

Nhưng còn lắm ngách xâu ghè;  
tàu bè đi lại tứ thì lắm thay.

Tàu từ Hà-nội thê này;  
xúp lê chạy thẳng Sơn-tây bên dò.

Việt-trì bát cạy quanh co;  
giẽ lên ngách khác Chợ-bờ Tuyên-quang.

Tàu từ Hà-nội sấn-sàng;  
chạy về Nam-định thẳng băng một dòng.

Tàu từ Hà-nội, Hải-phòng;  
chạy qua Suôi-hới, lại vòng Kiên-an.

Tàu từ Nam-định, Nghệ-an;  
phải đi vượt bể Biên-sơn thẳng dòng.

Tàu từ Nam-định, Hải-phòng;  
qua đôn Như-trác thẳng dòng chạy ngay.

Hải-phòng tàu chạy Hồng-gay;  
lại đi cho đến Mông-cai, Cái-bầu.

Hải-phòng tàu chạy Đáp-cầu;  
Hải-phòng, Nam-định lắm tàu ganh nhau.

Có tàu sang đến Âu-châu;  
chạy sang nước Pháp, nước tàu tùy nghi.

Có tàu chạy đến Nam-kỳ;  
có tàu chạy đến Trung-kỳ Tourane.

### TỈNH THÀNH

Lôi tàu thủy, đường cái quan;  
nối thông các tỉnh tuần hoàn Trung-châu.

Bắc-kỳ, Hà-nội tỉnh đầu;  
giữa nơi đường lượn lối tàu Hải-phòng.

Đường này sang đên Trần-phòng;  
lại đường Bắc-quốc vào trong Trung-kỳ.

Hà thành phong phú khôn bì;  
phô thi đẹp-đẽ, người thi khôn ngoan.

Số người mười vạn mây ngàn;  
đủ mùi lịch-sự, đủ làn văn minh;

Hải-phòng cửa biển thật sinh;  
hơn hai vạn rưởi chân danh đầy mã.

Nào tầu thủy, nào hoả-xa;  
đi về sinh-sịch, rất là vui thay.

Chỉ hiểm một chút thề này;  
Thái-bình cửa Cầm, bồi dẫy cát lên.

Phải nhờ Nam-triệu ở bên;  
tầu vào cửa ấy mà lên sông Đào.

Nam-triệu bồi cát không cao;  
tầu chờ con nước mới vào được thông.

Nhất là Hà-nội, Hải-phòng;  
xem như Nam-định, cũng không kém gì.

Kìa phô xá, nọ thành trì;  
thông thương thủy bộ, tầu đi xe viển (vễn).

Số người hai vạn năm nghìn;  
kẻ chăm kĩ nghệ, người siêng học tài.

Còn giảm tỉnh kém một vài;  
Hải-dương, tỉnh Bắc, cùng nay Đáp-cầu.

Sơn-tây, Phủ-lạng, trung châu;  
điều là những tỉnh kém chiều thông thương.

## PHẦN THỨ BA

LƯỢC DIỄN ĐỊA-DU RIÊNG VỀ XỨ TRUNG-KỲ

### CẢNH GIỚI

Trung-kỳ đất rộng thênh-thang;  
Đông-dương thuộc Pháp rõ-ràng nam-dông.  
Biển Tàu vụng bắc phía đông;  
Nam-kỳ, nam hướng liền cùng Cao-miền.  
Ái-lao giáp khắp tây biên;  
bắc thì địa giới giáp liền Bắc-kỳ;  
Rộng mười tám vạn phương ky; <sup>(1)</sup>  
rất nhiều rừng-rú, tí-tí ruộng đồng.

### RỪNG NÚI

Chỉ còn phía bắc một vùng;  
ít nhiều ruộng phẳng theo sông Nhị-hà.  
Còn thì những núi non mà;  
Hoành-sơn đứt nối ăn ra, ăn vào.  
Ăn thẳng mãi đến nước Lào;  
bởi vì kê tiếp nối vào Pou-lương.  
Triển tây đổ xuống Mé-kông;  
triển đông đổ xuống chảy thông bể Tàu.  
Núi này nhiều ngọn lau-nhau;  
một hai nghìn thước tây cao có nhiều.  
Làm nên một rẫy đường trèo;  
đứt ra từng quãng có đèo đi ngang.  
Giữa hai núi có một đàng;  
bên kia có thể đi sang bên này.

---

(1). — Phương ki là ki lô mét.

Những quèn gọi lăm tên hay;  
Hợp-ham, Qui-hợp quèn này khi cao.

Men-gia rồi đèn Ai-lao;  
An-khê rồi đèn Giốc-cao đây mà.

Ái-lao quèn thấp nhất mà;  
có đường rộng-rãi cho ta sang Lào.

Phía nam núi ấy thê nào;  
lăm ra lăm khúc đỏi cao xi-xăng.

Loyoum với Boloven;  
cùng đỏi Đà-lạc, Lang-biên đó là.

Hết cao lại đèn xâu mà;  
cuồn-cuồn nước chảy ấy là sông con.

Tình sông nghĩa bể núi non;  
biển Tàu giáp với Hoàn-sơn rờ-ràng.

Làm nên một rẫy phong trang;  
phòng kia không thể đi sang phòng này.

Khen ai tìm-tỏi lời này;  
đèo cao trèo suốt phòng này, phòng kia.

Nhiều đèo chàng kể lăm chi;  
có ba đèo lớn ta thì kể đây.

Trung-kỳ đèo bắc thê này;  
trăm hai mươi thước chạy dài mà thôi.

Hải-vân đèo giữa đèn rồi;  
bốn trăm bảy chục chàng rời thước nào.

Đèo Ca về phía nam-tào;  
vừa bốn trăm thước ti hào không sai.

### BÃI BỀ

Trung-kỳ bãi giồng đường ngoài;  
vừa bằng, vừa thấp, đèn ngòi Mũi-dong.

Có nhiều quăng đứt rỗng không ;  
ây là chính cửa những sông đại-hà.  
Mũi-dong giải đất giờ ra ;  
Vũng-chùa đèn đó thuận là Hoàn-sơn.  
Làm nên một rẫy đường vòng ;  
lom-chơm, lênh-chênh, lông-chông thật rẫy.  
Vũng-chùa cho đèn Chou-may ;  
bãi biển bằng-phẳng không hay gổ-ghê.  
Chỉ còn một rạch râu ghê ;  
ây là sông Huê, chảy về Thuận-an.  
Chou-may nam hướng một làn ;  
Hoàn-sơn núi ấy, chảy tràn ra khơi.  
Bãi này đứt quăng nhiều nơi ;  
có nhiều vũng lớn, bề giới trông không.  
Cam-ranh vụng rộng lạ-lùng ;  
tàu bè đậu đó, bão-bùng không kinh.

### KHÍ GIỜ

Trung-kỳ khí thiết thanh minh ;  
quanh năm độ số trung bình thể ni (*này*).  
Thừa-thiên nóng nhất Trung-kỳ ;  
tháng sáu, bảy, tám, độ thì ba mươi. (1)  
Nhưng mà những tháng rét giờ ;  
giêng, hai, xuống độ hai mươi là cùng.  
Đông-nam gió thổi dưng-dưng ;  
tháng tư, đèn chín thuận phong điều hoà. (2)  
Tháng mười mãi đèn tháng ba ;  
gió đông-bắc mãi, tiết ra lạnh-lùng.

---

(1). — Độ : là độ ồng khí.

(2). — Tự tháng tư đèn tháng chín.

Gió nam mưa xuống đầy đồng;  
thật như các xứ cũng không khác gì.

Gió mùa đông bắc cũng kì;  
thổi từ bể lại, nhiều khi mưa rào.

Mặt nam bãi bể lạ sao;  
bão luôn chẳng mấy năm nào là không.

Hàng năm bốn tháng cuối cùng;  
mưa dầm ranh-rách, chẳng không mấy ngày.

### SÔNG NƯỚC

Trung-kỳ sông nước thật hay;  
chảy quanh, chảy quẩn, khúc này, khúc kia.

Những sông phía bắc không kì;  
các sông xứ khác điều thì ngán không.

Phát nguyên tự núi Hoành-sơn;  
chảy ngay ra bể, vừa nóng vừa gần.

Thuyền bè thật khó chuyền vắn;  
đứt ra lắm khúc, nhiều ghềnh nhấp-nhò.

Cửa sông bãi cát lù-lù;  
đi về không tiện, ra vô khó lòng.

Kể từ phía bắc tên sông;  
sông Chu đổ nước ra dòng sông Ma.

Sông Giang mạn dưới sông Ca;  
Đông-hoi rồi đến sông là Quang-tri.

Sông Huê chính giữa Kinh-kỳ;  
Tourane rồi đến dưới thì sông Cai.

Giải sông Ca, khúc cũng tài;  
sông Ba rồi đến sông ngoài Nha-trang.

Này sông chảy giữa Phan-rang;  
còn nhiều sông bé, học càng thêm hay.

SỞ NGƯỜI

Trung-kỳ năm triệu dân nay; <sup>(1)</sup>  
dong theo bãi bể thật hay dòng người.  
Hình dong trông giống đường ngoài;  
ây vi Tiên-tổ những ngày xưa vô.  
Cõi nam gày dựng cơ đồ;  
một nhà thê nhớn, thần to thọ trang.  
Gia-Long Hoàng-dê Nam-bang;  
Trung-kỳ năm bắc bốn phương một nhà.  
Quân Cham phải đuổi đi xa;  
mặt không thành quách, cửa nhà lầu trang,  
Thành trì của-cải tan-hoang;  
bê bổng con cháu ần tàng phía nam.  
Bây giờ dân Mọi núi nam;  
ây lá dòng-dõi quân Cham bây giờ.  
Nhiều thành dân ấy thừa xưa;  
nay xem di tích bơ-vơ hãỵ còn.  
Phần nhiều trên đỉnh núi non;  
dền từ dân ấy hãỵ còn dền nay.  
Những tên dân ấy thật hay;  
mười chòm nam bắc xưa nay gọi là:  
Stieng, Bi, Tio, Souk, Tioma,  
Sédang, Djarai, Bahnar, Radé;  
Lại còn dân gọi Lové;  
ây mười dân Mọi thuộc về Cham nhân.  
Trung-kỳ dân Mọi thật đản;  
giống như Mường, Mán, ngoài dân Bắc-kỳ.  
Hay đi săn bắn nhiều khi;  
uồng thì rượu nếp, ăn thì gạo ngô.

---

(1). — Sở người chừng độ năm triệu rưỡi.



Muôn giống thì dốt một khu;  
lây que chọc lỗ, giống ngô, thuộc Lào.  
Mây dân ở núi Nam-tào;  
hay nuôi bò, ngựa, lợn Lào, gà, trâu.  
Chàng hay kỹ nghệ gì đâu;  
đồ dùng làm lây, áo khâu may xàng.  
Cũng làm khí giới lạng-nhăng;  
không hay buôn bán thung-thăng bao giờ.

### CAI TRỊ

Các quan cai trị Trung-kỳ;  
giống như phẩm tước Bắc-cờ khác đâu.  
Làng thì lý-trưởng đứng đầu;  
quan-viên, kỳ-mục, hội bầu mới xong.  
Xã, tổng, phủ, huyện, thông-dong;  
các quan phủ, huyện hết lòng coi dân.  
Tỉnh thì Tổng-độc đại-thần;  
có quan Án-sát đại-nhân niết-dường.  
Có quan Độc, Giáo học-trường;  
có quan Bô-chính binh lương ở ngoài.  
Lãnh-binh coi lính trong ngoài;  
chức là quan võ, quyền ngài cũng to.  
Bắc-kỳ là xứ xa Vua;  
Trung-kỳ thì vẫn có Vua trị vì.  
Đóng đô tỉnh Huế kinh-kỳ;  
văn thì tứ trụ, võ thì ngũ dinh.  
Thượng-thư thật bộ phân-minh;  
là Binh, Lại, Lễ, Hộ, Hình, Học, Công.  
Quan tây bảo-hộ ung-dung;  
tỉnh nào cũng có một Công-sứ toà.

Hội-dồng bản tỉnh quan nha;  
vâng theo nghị định để mà trị dân.

Các quan Pháp, Việt đại-nhân;  
thuộc quyền Khâm-sứ đại-thần trong kinh.

Hội-dồng bảo-hộ công minh;  
giúp người xem xét cho tỉnh các điều.

Đứng đầu bảo-hộ quan triều;  
quyền người cân nhắc bách liêu trong ngoài.

Trung-kỳ tỉnh có mười hai;  
chia làm ba hạt đất đai rành-rành.

Đễ-ràng cai trị yên minh;  
đặt ra Đại-lý, đồn binh tràn phòng.

Ba thành mặt bắc thông-dong;  
Nghệ-an, Hà-tĩnh vuôi vùng Thanh-hoa.

Đồn binh Đại-lý, có ba;  
La-hán, Bái-thượng, cùng là Nghĩa-bưng.

Giữa thì sáu tỉnh một vùng;  
bốn nơi tỉnh-lỵ tên cùng phân minh.

Đông-hới tỉnh-lỵ Quảng-bình;  
Qui-nhon tỉnh-lỵ Bình-dinh chớ quên.

Huê là tỉnh-lỵ Thừa-thiên;  
Fai-fo tỉnh-lỵ Quảng-nam đó mà.

Quảng-trị, Quảng-nghĩa không xa;  
ba đồn Đại-lý, gọi là thê ni (này).

Bồng-sơn vuôi sở Nam-kỳ;  
Sông-câu đồn ấy hẳn thì giáp giang.

Phía nam ba tỉnh vững-vàng;  
Phan-thiết, Bình-thuận, Nha-trang, Khánh-hoà.

Kon-toum là tỉnh thứ ba;  
lại đồn Phan-ry, Đa-lat, Phan-rang.

Cheo-reo đôn ây vưng-vàng ;  
đôn Ban-me-thuot lại sang Djiring.

Tourane thành phố đã đành ;  
thuộc quan Đốc-ly thi hành luật tây.

### THỒ SẢN

Trung-kỳ rừng núi thật dày ;  
cũng như xứ Bắc, rẫy dẫy thiêu chi.

Bạc, vàng, kềm, thiếc, sắt, chì ;  
Đức-bộ khai kềm, vàng thì Bông-miêu.

Nông-sơn khai biết bao nhiêu ;  
Tourane gần núi có nhiều đá hoa.

Rừng thì lắm gỗ lạt mà ;  
mun, lim, gụ, trắc, quế và cao-xu.

Nghệ, Thanh, Hà-lĩnh một khu ;  
nuôi trâu, bò, ngựa, bán cho Bắc-cờ.

Lang-biên cũng lắm trâu, bò ;  
chở sang Philip, Nam-kỳ chan-chan.

Đông-triều thật tốt vô vắn ;  
chỉ vì hẹp quá nên khăn của dùng.

Này là những thứ quen giống ;  
lúa ngô, sắn, mía, khoai, bông, đậu, chè.

Dầu dừa Bình-định ê-hề ;  
Phan-rang lắm dứa chẳng tẻ Nha-trang.

Bãi nam, Phan-thiết, Nha-trang.  
bể đá lắm cá, nhiều phường thủy cơ.

Lại còn thồ sản giới cho ;  
có nhiều ruộng muối như kho bạc vàng.

KỸ NGHỆ

Trung-kỳ kỹ nghệ mở mang;  
kia nhà máy xẻ, rõ-ràng có ba.  
Hàm-rông thuộc hạt Thanh-hoa;  
Nghệ-an, Bền-thủy, Huế và Thừa-lưu.  
Việc thêm lăm, của sinh nhiều;  
Hàm-rông, Bền-thủy, lại dèo máy diêm.  
Qui-nhon chỉ sào ngày thêm;  
củi dừa mà nấu làm nên dầu dừa.  
Xà-phòng nấu bằng dầu dừa;  
mới hay tài chí, bây giờ mở mang.  
Nuôi tằm, dệt nái mọi làng;  
nhất trong Bình-định ngày càng nhiều ra.  
Xiềng làm thợ biết bao mà;  
xiềng vào thợ mộc, xiềng ra thợ rèn.  
Còn nhà sở nguội gọi quen;  
để làm xe lửa, đáng khen lạ lùng.

ĐƯỜNG XÁ

Trung-kỳ rất lăm núi rừng;  
hoá ra đường xá khôn thông đi viễn (về).  
Dong theo bãi bể đường liền;  
cây kilômètres một nghìn hai trăm.  
Xưa thì khắp-khẽnh lăm-nhăm;  
nay thì xe máy hàng trăm đi vào.  
Còn thì không có đường nào;  
chỉ còn những lối, dèo cao, gồ-gề.  
Ai-lao lối ấy đi về;  
ấy là đường tắt, Lào về đến ta;

Thanh-hoá, La-hán, Sâm-neua;  
Nghệ-an hai lối đẽ ta sang Lào.  
Từ Vinh đi đên cửa Rào;  
Tha-dô đên đó giẽ vào Xiêng-khuong.  
Từ Vinh đi đên Ban-dôn;  
Hợp-ham quèn ấy đi thông sang Lào.  
Quảng-trị đên Keng-kabao;  
Savannakhet nước Lào vùng xa.  
Phải qua từ đất Đông-hà;  
Ai-lao quèn ấy mới qua sang Lào.  
Qui-nhon thì có lối nào;  
An-khê quèn ấy đi vào Kontoum.  
Lại sang Attopeu một hôm;  
ấy là đường tắt Qui-nhon đó mà.  
Phan-rang đi đên Đa-lat;  
lại đường Phan-thiết đi qua Djiring.  
Đông-dương xe lửa có danh;  
Trung-kỳ nam bắc chạy quanh suốt mà.  
Trung-kỳ gốc chính có ba;  
là Vinh chạy thẳng đi ra Bắc-kỳ.  
Con đường ở giữa Trung-kỳ;  
một trăm bảy chục lẻ thì năm cây.  
Tourane, Quảng-trị, đường này;  
Đông-hà đên đó, từ đây đang làm.  
Con đường xe lửa Nha-trang;  
Phan-rang, Phan-thiết, chạy sang Nam-kỳ.  
Con đường xe lửa ti-ti;  
Tourane chạy đên ga thì Fai-fo.  
Những sông phía bắc quanh co;  
đào kênh cho tiện tàu dò thông thương.

Phía nam và giữa khác thường;  
những sông chảy quá, tầu sông khôn đi.

Nhưng mà cửa biển Trung-kỳ;  
gió nam hồm sóng, còn thì hàn-hoi.

Nhiều mảnh khách, lắm thuyền thoi;  
tầu to vượt biển, ra khơi cũng nhiều.

### BUÔN BÁN VÀ THÀNH PHỐ

Trung-kỳ thổ sản mĩ-miêu;  
đồ hàng xuất cảng, bao nhiêu cũng là.

Tải sang nước Phú-lăng-sa;  
đã nhiều lúa, bắp, lại da và chè.

Chở sang Bắc-quốc nhiều ghê;  
rất nhiều quan-quê, ê-hề nái, tơ.

Chở tơ sang Singapour;  
Hải-phòng bông trắng, cá khô Saigon.

Tây đem lắm vải nhiều nhung;  
rất nhiều đồ sắt, từng thùng rượu nho.

Nước Tầu đem đĩa, bát ngô;  
rất nhiều giấy mã, giấy nho và dầu.

Trung-kỳ buôn bán thuyền tầu;  
có nhiều cửa bể chu lưu thông hành.

Trước là tỉnh Nghệ cửa Vinh;  
Tourane cửa ấy nổi danh lâu ngày.

Fai-fo mới nổi ít nay;  
Qui-nhon nổi tiếng những ngày đã lâu.

Cam-ranh và cửa Sông-câu;  
Nha-trang, Phan-thiết, bèn tầu vui thay.

Trừ ra những cửa bể này;  
chỉ còn cửa Huệ vui thay trong đời.

Kinh-đô phong cảnh tốt tươi;  
dân cư bốn mươi nghìn người nghênh-ngang.

## PHẦN THỨ TƯ

LƯỢC DIỄN ĐỊA-DƯ RIÊNG VỀ XỨ NAM-KỶ

### GIỚI KIỆT

Nam-kỳ cảnh giới thiên nhiên;  
tại Đông-dương Pháp nam biên đó mà.

Mặt tây giáp vụng Xiêm-la;  
bề tầu nam hướng, cũng là nam đông.

Trung-kỳ ở phía bắc đông;  
Cao-miền chính bắc vùng-vùng bắc tây.

Đất đai xứ ấy xưa rày;  
tính gồm gò đất chung ngay một miền.

Kilô (*km.*) năm vạn sáu nghìn;  
chín trăm sáu chục lẻ liền năm cây.

Đem Đông-dương Pháp xánh bầy;  
Nam-kỳ đất hẹp vừa đây mười hai. <sup>(1)</sup>

### NÚI NON

Đông tây phân xứ làm đôi;  
miền đông giáp giới núi đồi Hoàn-sơn.

Non, non, núi núi, một vùng;  
Tây-ninh thẳng giáp cùng Baria.

Có hai ngọn núi nơi kia;  
Chua-chang đó nọ, kia kia Ba-den,

Cũng là núi thấp choèn-choèn;  
ngọn nào cao nhất, non nghìn thước tây.

Còn như cảnh ruộng miền tây;  
Camau đồng Cói ruộng lầy mà thôi.

(1). — Nghĩa là đất Đông-dương chia làm 12 phần, thì Nam-kỳ cả gò đồng mới bằng một phần.

Ấy là những vũng lâu đời;  
Mékong giải ấy mới bồi phù-sa.  
Miền này núi lè dăm ba;  
núi Sâm, núi Sap, cũng là Ba-thé.  
Còn ngoài bãi bẻ thia-lia;  
Hon-dat, Hon-sóc gần kề liền-liên.  
Ấy là gò bẻ tự nhiên;  
Mékong giải ấy bồi liền với nhau,  
Lại còn đồng cát thau-rau;  
dong theo bãi bẻ trước sau cũng nhiều.  
Chiều cao đo chẳng bao nhiêu;  
An-nam quen thói gọi liểu là giòng.

### BÃI BẺ

Nam-kỳ bãi bẻ vùng-vùng;  
trông hình giông-giông nét vòng chữ U.  
Phía tây rặng núi gần kề;  
đứt ra giữa bãi, lạch khe cũng nhiều.  
Kể từ rẫy núi Tiên-đào;  
chạy ra la Table biết bao nhiêu mà.  
Ấn tiền bãi bẻ xem qua;  
rất nhiều gò đồng thật là xinh thay.  
Nổi danh chỉ có gò này;  
là gò Phú-quốc xưa nay tiếng lừng.  
Ngọn cao chót-vót phi thường;  
bốn trăm chín chục tổ tường thước tây.  
Nhưng gò cách bãi xa thay;  
dêm dêm sóng lớn, ngày ngày gió to.  
Còn như mực nước nông chờ;  
chẳng tìm được cửa nào là bình yên.



Phía đông là Table một miền;  
vừa bằng vừa thấp, đồng-diển tốt xinh.

Còn nhiều vụng lớn tây thình;  
có nhiều cửa lạch ềnh-ềnh chảy ra.

Ấy là sông cái chan hoà;  
Mékong là một, hai là Donnai. (*Đông-nai*)

Miền này gò đồng hiêm-hoi;  
chỉ còn một rặng, gò đồi Côn-lôn.

Có nguyên cửa biển Saïgon;  
đường đi ra bể hãy còn xa xa.

Đường trường có đèo qua-loa;  
cây kilometres ít là năm mươi.

### KHÍ GIỜ

Nam-kỳ rất nóng khí giờ;  
tháng tư lên đèn ba mươi độ mà.

Nhưng từ tháng chạp khí hoà;  
hai mươi lăm độ rét là hư-hư.

Gió mùa vồn thổi rất điều;  
tháng mười mãi đèn chính chiều tháng ba.

Kỳ Trung, Bắc, bão luôn mà;  
Nam-kỳ nổi bão, hoạ là có khi.

Tây nam gió thổi từng kỳ;  
bộc lên nước bể tức thì mưa rào.

Mưa từ tháng sáu ào-ào;  
mãi sang tháng chín, tháng nào cũng mưa.

### SÔNG NƯỚC

Nam-kỳ nước chảy bồi-bồi;  
chia làm ba tụi, mọi nơi chan hoà.

Nhưng không lườn núi nào mà;  
ngăn riêng nước chảy cho ra khác triển.

Đề làm thủy đạo thông liền;  
ngã này chảy nước, sang liền ngã kia.

Ngã tây các ngách kia kia;  
tây, nam Bassac, bởi địa Camau.

Thuần tuôn xuống bể ồ-ồ;  
nhưng sông nhỏ bé quanh-co ngoặt-ngoè.

Giữa thì hai ngách chảy tèo;  
như giăng sợi chỉ suốt theo Nam-kỳ.

Hữu là hai ngách tí-tì;  
một là Bassac, hai thì Tiền-giang.

Donnai giải ấy rõ-ràng;  
Trung-kỳ phát phái chảy sang Nam-kỳ.

Hữu hà hai ngách tí-tì;  
sông Bê là một, hai thì Saïgon.

Tả hà có một sông con;  
xưa nay vẫn gọi là sông Lagna.

Saïgon khúc giữa ngã ba;  
sông này lại đổi tên là Nhabé.

Chảy đi quá nửa tí-tì;  
phân ra lắm nhánh, nhiều khe chan hoà.

Sông đông lại đổi tên là;  
Saïgon lại gọi đây là chính tên.

Tỉnh thành phố xá quang trên;  
tàu nhờ ngách ấy mới lên Saïgon.

Sông tây chẳng phải sông con;  
là sông rất rộng tên còn Soirap.

Trước khi ra đến bể mà;  
lại còn chứa nước sông là Vai-cô.

Tên chung vốn gọi Vai-cô;  
Vai-cô đông xuôi Vai-cô tây mà.  
Các sông xứ ấy gần xa;  
vốn thông nước chảy như là một sông.  
Dôn-nai chảy đến Mé-kông;  
Mé-kông chảy đến các dòng nam tây.  
Dường như lưới chỉ dằng giày;  
Nam-kỳ sông nước rẩy đẩy trước sau.  
Một là rất tiện đi tàu;  
hai là rất lợi, tưới màu ruộng nương.

### SỐ NGƯỜI

Nam-kỳ dân sự phú cường;  
Phong chừng ba triệu tính thường văn hoa.  
Cũng nhiều dòng dõi người ta;  
nào Nam, nào Khách, nào là Cao-miên.  
Lại còn dân Mọi mây nghìn;  
Baria, Đầu-một và miền Biên-hoà.  
Cao-miên ở trước nhất mà;  
phải An-nam đuổi còn vài làng thời.  
Soc-trang, Rach-gia, Can-tho;  
Trà-vinh xuôi tỉnh Châu-độc, Bắc-liêu.  
An-nam bốn tỉnh gan liền;  
đem quân đến đuổi chạy vào đi xa,  
Ba trăm năm lẻ đây mà;  
chiếm dân mãi đến tỉnh là Hà-tiên.  
Bây giờ quân khách sang liền;  
từ khi thời thê thuộc quyền An-nam.  
Trước thì những chú đuôi-xam;  
tròn sang ăn núp nước Nam bây giờ.

Quanh-quanh ở tỉnh Biên-hoà ;  
Mỹ-thọ lại đến tỉnh là Hà-tiên.  
Bây giờ ở khắp nhiều miền ;  
ít nhiều buôn bán chỉ chuyên một nghề.  
Chợ-lớn thành phố tư bề ;  
rất nhiều chú khách, xe về, tàu đi.

### CAI TRỊ

Khi tây chưa đến Nam-kỳ ;  
xưa quen gọi Hạ-nam-kỳ tên riêng.  
Chia làm sáu tỉnh liên-liên ;  
Định-tường, Gia-định, Hà-tiên, Biên-hoà.  
Vĩnh-long, Châu-độc, nữa mà ;  
ây là sáu tỉnh gọi là Đông-nai.  
Năm, nghìn tám lẻ sáu hai ;<sup>(1)</sup>  
vua nhường ba tỉnh chạy dài phía đông.  
Khỏi năm năm nữa vừa xong ;  
nhường thêm ba tỉnh về dòng phía tây.  
Ấy nên thuộc địa từ đây ;  
ngày xuân thâm-thoát, vừa tây năm mươi.  
Nam-kỳ thuộc địa hẳn rồi ;  
không vua bản quốc như nơi Trung-kỳ.  
Tục còn giữ lại tí-tí ;  
tỉnh còn giữ lại như kỳ Bắc, Trung.  
Dân còn những xã thung-dung ;  
lý-trưởng, kỳ-mục hội chung lo bản.  
Tổng còn chánh, phó, hai quan ;  
tận tâm hợp lực lo toan ân-cần.

---

(1) — Năm một nghìn tám trăm sáu mươi hai.

Lại còn lăm tỉnh chia phân ;  
mỗi toà cai trị tổng quản một và.

Hoặc quan Pháp quốc đây mà ;  
hoặc quan bản quốc cũng là đại-nhân.

Là quan Đốc-phủ đại-thần ;  
hay là phủ, huyện án-cẩn trị cai.

Những nơi tỉnh-ly yên bài ;  
cũng như tỉnh chính chẳng sai chút nào.

Có toà Công-sứ lầu cao ;  
quyền coi cả tỉnh ti toà quan dân.

Các quan Pháp quốc đại-thần ;  
các quan bản quốc đại-nhân tòng.

Hội đồng bản tỉnh thông-dong ;  
các viên hội-nghị, nguyên dùng người ta.

Có hai thành phố lớn mà ;  
Saigon là một, hai là Cholon.

Quyền về thành phố công đồng ;  
có quan Đốc-ly bình công thi hành.

Saigon Đốc-ly hoành-hoành ;  
như quan Thượng-nghị tỉnh thành nào sai.

Chợ-lớn chúa tỉnh gồm tài ;  
gồm coi phố xá đất đai xa gần.

Nam-kỳ các tỉnh xa gần .  
thuộc quyền Thông-độc đại-thần Lãng-sa.

Saigon chính phủ nguy-nga ;  
tóm về các bộ đề mà trị dân.

Các quan chúa tỉnh sứ thần ;  
các quan chính bộ đại-nhân tòng tuyền.

Như quan Thông-sứ khác gì ;  
các nơi bảo-hộ như kỳ Bắc, Trung.

Riêng người có hội công-dồng.  
giúp người xem sóc việc công ích mà.  
Hội-dồng thuộc địa mở ra;  
Nam-kỳ vẫn hội, để mà lo toan.  
Vốn sai hào-kiệt một quan;  
chạy sang nước Pháp dự ban hội-dồng.

### TỈNH THÀNH

Nam-kỳ các tỉnh thông-dong;  
tỉnh thì mười bảy chia vòng làm ba.  
Phía đông bốn tỉnh tên là:  
Baria, Đầu-một, Biên-hoà, Tây-ninh.  
Giữa thì bảy tỉnh phân minh:  
Mỹ-tho, Gia-định, Trà-vinh, Cholon.  
Bên-tre, Tanan, Vĩnh-long;  
ây là bảy tỉnh giữa dong đồng-bằng.  
Phía tây sáu tỉnh thẳng-răng;  
Can-tho, Châu-dộc, Sóc-trang, Long-xuyên.  
Bắc-liêu, Rạch-giá một miền;  
ây là sáu tỉnh ở liền một khu.

### THỔ SẢN

Nam-kỳ có mỏ nào đầu;  
phía đông rừng núi nguyên mẫu đá hoa.  
Tốt thay những đá Biên-hoà;  
dài đường, tạc mộ, xây nhà xinh thay.  
Lại còn đất thó rẫy dầy;  
nung nèn đồ gốm, nam, tây điều dùng.  
Còn nhiều thứ gỗ trong rừng;  
cam-lai, gỗ trắc, dầu cùng Santal.

Đồng điền rất tốt vô vàn;  
vì Mékong chảy bồi tràn phù-sa.

Xanh om lúa tốt rườm-rà;  
những nơi tốt nhất ấy là miền tây.

Bắc-liêu, Rạch-giá tốt thay;  
Sóc-trang đất ẩm, đồng lầy Can-tho.

Những miền ở giữa xanh om;  
Bên-tre, Sa-đéc, Mỹ-tho, Trà-vinh.

Còn nhiều mẫu-mỡ tốt xanh;  
bông, ngô, sắn, mía, tỏi, hành, dẫu, cau.

Cây ngô, cây thuốc, cây cau;  
hồ-tiêu, ké nước, cây giầu, cây dừa.

Nhiều rau, lắm quả dư thừa;  
quanh năm lắm quả, bốn mùa nhiều rau.

Lại nuôi súc vật đủ dẫu;  
dê, lừa, ngựa, lợn, bò, trâu, vịt, gà.

Giồng ong-mật biết bao mà;  
Camau rất lắm, biết là bao nhiêu.

Lại săn giồng vật rất nhiều;  
gâu, voi, hùm, cọp, hươu, nai, cáo, cầy.

Lại săn các thức chim bay;  
con cò, con hạc giồng này quý lòng.

Còn như tôm, cá lạ-lùng;  
bể, hồ đã lắm, ngoài sông cũng nhiều.

Long-xuyên, Châu-độc, Bắc-liêu;  
Baria, Phú-quốc và miền vụng Xiêm.

Ởn giới thổ sản càng thêm;  
có nhiều ruộng muối ở miền Baria.

Bắc-liêu ruộng muối ê-hề;  
được nhiều cá-mú đem về muối ngay.

### KỸ NGHỆ

Sinh nhiều máy thóc lạ thay;  
lập nên máy giã, máy xay để mà.  
Cholon máy rượu mở ra;  
tóm về tỉnh ấy, nhiều nhà máy xay.  
Bờ sông máy xẻ nhiều thay;  
quanh năm xẻ gỗ, hằng ngày làm công.  
Xà-phòng nấu tại Cholon;  
thuộc da mở tại Saïgon, khéo ghê.  
Lò nung gạch ngói tứ bề;  
lò nung bát đĩa gần kể Cholon.  
Cay-mai lò gồm nhiều hung;  
bán Đông-dương, khắp cả vùng Viễn-đông.  
Lò vôi rất tốt lạ-lùng;  
là lò Châu-độc, nhất trong Nam-kỳ.  
Saïgon và xứ Chu-vi;  
có kho khí giới binh cơ chỉnh tề.  
Nhiều nhà sở ngүй tài ghê;  
chuyên môn tàu thủy và nghề hoá-xa.  
Sở làm sắt, gỗ nhiều mà;  
sửa sang xe điện, riêng nhà chữa rên.  
Nhà in sách, sở máy đèn;  
máy thông nước chảy, hiệu rên nước dòng.  
Còn nhiều thứ thợ cần dùng;  
làm nhiều khí dụng, bách công khéo tài.  
Thợ rên, thợ bạc, thợ mài;  
thợ xây, thợ đúc, thợ may, thợ nề.

### BUÔN BÁN

Gạo đem xuất cảng nhiều ghê;  
tải sang Nhật-bản, chở về Chi-na.



Tài sang Philip, Chà-và;  
sang Singapour cũng là sang Tây.

Tài sang nước Pháp đồ này;  
cơpơ, lúa, gạo, thùng dầy hồ-tieu.

Sang Singapour, sang Tàu;  
đồ hàng chẳng kể, nhất mẫu cá khô.

Tây đem sang cũng lắm đồ;  
già, nhung, sắt, kềm, rượu nho cũng nhiều.

Tàu đem sang chẳng bao nhiêu;  
chỉ nguyên hàng tầm, ít nhiều chè bao.

Đồ hàng Ấn-độ đem vào;  
chỉ nguyên thuốc phiện phì-phào hút chơi.

Chà-và chở đèn đồ tối;  
chỉ nguyên bao tải mọi nơi đều dùng.

### ĐƯỜNG BỘ

Nam-kỳ đường xá thung-dung;  
vì quan Đại-pháp gia công sửa mà.

Xưa đường đất đắp lò-mô;  
và đường thủy đạo đi đò mà thôi.

Nay đường đẹp-đẽ hẳn-hoi;  
bốn nghìn rưởi cột chạy dài ki-lô (*kilomètres*).

Ít nhiều khắp-khến lò-nhò;  
gắn ba nghìn cột san cho rõ bằng.

Thẳng băng giải đá phẳng bằng;  
hàng ngày xe máy răng-răng đi về.

Đã nên đường xá đẹp ghê;  
kể vào hạng nhất, đường về năm châu.

Đài-ngai thẳng đèn Bai-xâu;  
Sa-đéc thẳng đèn tận đầu Trà-vinh.

Saigon thẳng đên Tây-ninh;  
Caungan thẳng đên Trà-vinh nữa mà.  
Baria thẳng đên Biên-hoà;  
Batri thẳng đên tỉnh là Bền-tre.  
Còn đường xe lửa xinh ghê;  
Saigon xe lửa chạy về Mỹ-tho.  
Bảy mươi một cột ki-lô (*kilomètres*);  
thăng-răng xe lửa, ra vô hàng ngày.  
Lại còn đường khác dài thay;  
Saigon chạy thẳng giáp ngay Trung-kỳ.  
Biên-hoà tỉnh ấy qua đi;  
trăm năm mười bốn cây kilomètes.  
Saigon xe khí chính tể;  
bốn đường thẳng-răng, bốn bẻ đi ra.  
Đường Laithieu, đường Govap;  
đường về Chợ-lớn, đường ra Hoc-môn.  
Răng-răng giầy thép tây, đông;  
vừa hai nghìn dặm, răng thông mọi đường.

#### ĐƯỜNG THUỶ

Nam-kỳ thuỷ địa rõ-ràng;  
vừa nhiều vừa lớn hơn đường bộ trên.  
Sông con sông cái các miền;  
sông Đào các ngách nối liền với nhau.  
Đều là rất tiện đi tàu;  
phát tải buôn bán, tốt mầu ruộng nương.  
Các sông đã kể tỏ tường;  
sông Đào đày lại rõ-ràng kể ra.  
Kênh L'orroyo Chinois;  
kênh Cau-an-ha ấy là hai sông.

Nội biên sông cái Saïgon;  
thông tuôn nước chảy ra dòng Vaico.

Còn kênh nho-nhỏ Thu-thua;  
nội liền hai ngách Vaico đây mà.

Kênh Cho-gao với Vinh-loi;  
L'Orroyo de poste chảy ra sông Đào.

(*L'orroyo*) commercial sông Đào;  
nội Vaico lớn nhất vào Mékong.

Lap-co nhỏ bé thung-dung;  
Vinh-an ấy cũng là sông mới đào.

Nicolai cũng sông đào;  
nội Mékong chảy liền vào Bassac.

Kênh Vinh-té với Rạch-gia;  
Omon kênh ấy cũng là Xa-no.

Kênh Ba-lang với Saintenoy;  
Canh-đen, Sôc-trang, Camau, Sông-trem.

Sông Đào mười ngách nhỏ nhen;  
nội Bassac với vụng Siam đây mà.

Sông con, sông cái gần xa;  
nào tầu, nào gỗ, nào là thuyền thoi.

Chiếc thì ngược, chiếc thì xuôi;  
chiếc đi Đại-pháp, chiếc hồi Trung-hoa.

Neo vừa bỏ lại kéo đà;  
thuyền đi, tầu đèn, biết là bao nhiêu.

Saïgon tầu chạy rất nhiều;  
tới sang Sôc-trang, Bắc-liêu đây mà.

Đại-ngãi, Châu-độc phải qua;  
ấy là một lối, vô ra Saïgon.

Mỹ-tho tầu chạy thông đồng;  
chạy sang Bai-ngãi, qua vòng Can-tho.

Lại còn tàu từ Mỹ-tho;  
Trà-vinh chạy đến bên đò Vĩnh-long.  
Mỹ-tho cũng một ngách sông;  
sang Cap Saint-jacques chạy thông Baria.  
Saigon còn ngách tàu kia;  
đi-đi, lại-lại, tứ thì Tây-ninh.  
Tàu Trabec đến Tanan;  
tàu từ Châu-độc sang đàng Hà-tiên.  
Tàu từ Rạch-gia chạy liền;  
tới sang Sadec liền-liền hằng ngày.  
Còn tàu vượt bể thề này;  
Nam-kỳ chạy thẳng đến ngay Trung-kỳ.  
Lại ra lời thẳng Bắc-kỳ;  
sang Xiêm, sang Nhật, sang Philip gò.  
Java Diên-diện, nước Ngò;  
chạy sang Đại-pháp, Âu-châu nữa mà.

### THÀNH PHỐ

Saigon cửa biển phồn hoa;  
kề vào hạng nhất cả và Đông-dương.  
Các sông, các ngách, các đường;  
châu nào, tỉnh ấy, tiện đường ra vô.  
Nam-kỳ, Cambodge, Laos;  
đồ hàng thổ sản tải vô Saigon.  
Tàu to cứ một con sông;  
ngược lên mãi đến Saigon rõ-ràng.  
Tải lên ngoại quốc đồ hàng;  
phân đi các ngách tiện đàng, tiện sông.  
Saigon cho đến Cho-lon;  
gạo xay lăm-lăm, nhờ sông chinóis.

Hai thành liên tiếp nhau mà;  
cũng nhờ tại có chinois sông Đào.

Số người hai phủ tính thảo;  
hai trăm bốn tám nghìn vào số lính.

Trừ ra tỉnh ấy đã đành;  
lại còn mấy tỉnh thời danh nữa mà.

Vĩnh-long mấy tỉnh My-tho;  
Sóc-trang mấy tỉnh Can-tho nữa mà.

---

## PHẦN THỨ NĂM

### LƯỢC DIỄN ĐỊA-DU' NƯỚC CAO-MIÊN

#### CẢNH GIỚI

Nay xem cảnh giới Cao-miên ;  
tại Đông-dương Pháp về miền nam-tây.  
Ai-lao bắc, nước Xiêm tây ;  
Trung-kỳ đông hướng, nam rầy vụng Xiêm.  
Đất dài tóm cả ba miền ;  
rộng mười lăm vạn năm nghìn ki-lô (*km.*).

#### NÚI NON

Bắc biên rặng núi lò-nhò ;  
vây ngăn cảnh giới Laos, Cao-miên.  
Dang-ret ngọn thấp chèo-chèo ;  
thước tây đo dần còn thềm bảy trăm.  
Đèo ngang đứt quãng lăm nhăm ;  
nước Xiêm tiện lời sang chằm Cao-miên.  
Dang-ret liên tiếp một miền ;  
thấp cao cầu đồng, liên-miền núi đồi.  
Nhìn xem thê núi mà coi ;  
giới Xiêm giáp giới về nơi Trung-kỳ ;  
Ngọn cao ngọn thấp không kỳ.  
năm, ba trăm thước kể thì không cao.  
Dang-ret về phía nam-tào ;  
cánh đồng rộng-rãi bao-lao lạ-lùng.  
Hồ, sông quanh khuật từng vùng ;  
Mékong giải ày vuôi Tonbé-sap.

Phía này núi lẻ dăm ba;  
không cao mây tí, tro-vơ một mình.  
Bên ngoài cánh ruộng rành-rành;  
vụng Xiêm chiều giọc khoanh-khoang ăn vô.  
Chantaboun dền Kampot;  
lại còn ngọn núi nhập-nhờ ngút-ngàn.  
Cao cao, thấp thấp, lán lán;  
ngọn Cardamomes hơn ngàn thước tây.  
Càng xem thề núi càng hay;  
thẳng về nam hướng xuống đày vụng Xiêm.  
Làm nên gò đồng liên-miên;  
nhất gò Phú-quốc tự-nhiên cảnh giới.

### BÃI BÈ

Cao-miên bãi bè khác vời;  
tây, nam mặt ấy bè khơi giáp bờ.  
Đứt ra lăm khúc cách bờ;  
bởi vì núi mọc trờ-trờ ra khơi.  
Nên gò, giải, vụng nhiều nơi;  
khôn tìm được cửa nào hơi yên hàn.  
Gò thì xa cách vô vãn;  
vụng thì sóng gió, nước lán không sâu.  
Nam-kỳ giới có xa đầu;  
Cao-miên nhờ đó vượt tầu được thông.

### KHÍ GIỚI

Cao-miên khí nóng bằng-bằng;  
nóng thường hăm chín độ vòng tháng tư.  
Tháng chạp nóng đã hơi thư;  
giới đà khí rét độ từ hai năm.

Gió mùa mực thước quanh năm;  
mưa từ tháng bảy đến rằm giữa đông.

Tây nam gió thổi ùng-ùng;  
suốt trong mùa gió, dòng-dòng mưa xa.

Mát từ tháng chạp, tháng ba;  
từ ba đến sáu, ấy là mùa khô.

### SÔNG NƯỚC

Cao-miền nước chảy quanh co;  
mây sông con chảy vào hồ vụng Xiêm.

Những sông nước tưới Cao-miền;  
nhập Tonbé-sap và triển Mékong.

Nước này có giải Cửu-long;  
ghềnh Khône ngọn nước rẽ vòng chảy sang.

Lòng sông cách trở ngang ngang;  
ghềnh cao đo thước độ chừng mười lăm.

Ghềnh ghềnh, thác thác, năm năm;  
nơi này thác đứng, ghềnh nằm nơi kia.

Ghềnh Khône mãi đến Kratié;  
quanh-co ghềnh thác, đi về cheo-leo.

Ghềnh to nhất Kalognien;  
thác thì Sambac, Préapatang.

Ba sông chảy nhất, tên rằng:  
sông, Prek Préa, Prek Krieng, Sé-không.

Nam-vang bốn khúc sông vòng;  
ấy là những nước Mékong chan hoà.

Trước thì ngách chính tuôn ra;  
chia làm hai ngọn, giẽ ra hai dòng.

Hậu-giang đôi vuôi Tiền-giang;  
hai sông đổ nước thẳng sang Nam-kỳ.



Còn như ngách thứ tư thì;  
là Tonbé-sap chảy về des Lacs.

Nước sông lên vượt des Lacs;  
cuồn cuồn chảy ngược des Lacs lạ đời.

Hết mùa nước xuống lòng khơi;  
des Lacs lại chảy bồi-bồi ra sông.

Des Lacs tóm gọi tên chung;  
hồ to, hồ bé ấy từng tên riêng.

Mùa khô một thước sâu linh;  
nước lên độ tám thước linh đến mười.

Đông gần nước lụt kinh đời;  
gập năm lần lớn ngày voi nước hồ.

Nhiều cây ngập nước lô-mô;  
dường như nước lụt ngập vò trong rừng.

Tàu bè mặc sức thông-dong;  
ngược lên cho đến cửa Stung Sangké.

Núi tây, bắc, ở gần kể;  
bồn sông còn chảy nước về des Lacs.

Stung Sangké, Stung Pursat;  
Stung Siem-réap cũng là Stung Sen.

### DÂN SỐ

Cao-miền dân sự thẳng-răng;  
không đông mây tí, độ chừng mà thôi.

Tính gồm dân số mọi nơi;  
phỏng thì một triệu năm mươi muôn người.

Chia nhau ở giáp sông ngòi;  
thật là lắm giống, nhiều nòi khác nhau.

Grand Lac tây bắc một màu;  
cùng Lào giáp giới, lắm châu dân Mường.

Houn, Phnong ăn ở phi thường;  
giống tuồng dân Mọi, khác thường dân Kha.

Khi xưa phải đuổi đi xa;  
tìm nơi thiết lập thàt gia bây giờ.

Cao-miên cũng gọi dân Khmer;  
khi xưa nước ngập cả bờ Mékong.

Angkor ở mạn tây nhưng;  
còn như phía bắc giáp cùng Bassac.

Cao-miên gây dựng cơ đồ;  
Angkor-thom ấy kinh-đò tốt lành.

Angkor-vat miếu có danh;  
còn nhiều bia tích dành-dành lưu lai.

Cao-miên lại phải nguy tai;  
mặt đông chinh chiến tròn hoài (*sang*) An-nam.

Nhiều phen đánh giặc tái tam;  
dần dần mất cả Kỳ-nam bây giờ.

Lại còn tây-bắc hăng-hờ;  
người Xiêm chiếm mất bây giờ nhiều nơi.

Quan Tây mới mấy năm giờ;  
bắt Xiêm giả lại dật người Cao-miên.

Người Tàu ở khắp Cao-miên;  
Nam-vang, Kampot và miền Kamdai.

Chăm nghề buôn bán muôn vàn;  
lại chăm cấy ruộng, trên ngàn người thung.

An-nam ký ngụ cũng đông;  
chuyên nghề đánh cá, dọc sông, ngang hồ.

Malais gây dựng cơ đồ;  
đánh chài kiếm củi, nuôi bò, nuôi dê.

Kompong-Cham ở đông ghê;  
Kompong-Chnang ở tứ bề Kandal.

CAI TRỊ

Quan Tây bảo-hộ Cao-miên;  
như kỳ Nam, Bắc, nhất ban nước Lào.

Cũng như ba xứ khác nào;  
phép quan bản-quốc quyền trào Lãng-sa.

Nam-vang cung-điện vua mà;  
năm mươi năm lễ, đó là kinh-đô.

Xưa kia nhiều tỉnh dề đô;  
tỉnh Oudong vuồi Babaur, Lovek.

Xứ còn kẻ-chợ nơi tề (*kia*);  
tỉnh Angkor-thom, có bể thanh tiêu.

Vua thì lắm bộ quan triều;  
Thượng-thư, Lại, Lễ, bách liêu đứng hầu.

Thượng-thư Hình-bộ theo sau;  
Thượng-thư Nội-các chức hầu chỉ ra.

Kiểm về Hộ-bộ Beaux Arts;  
Thượng-thư Thủy-bộ, Nghệ và Nông, Thương.

Thượng-thư Binh-bộ đường đường;  
kiểm về Công-bộ, học-trường nguy nhi.

Nước chia làm tỉnh hay Khets;  
có quan Tổng-độc chuyên về trị dân.

Một quan Balat đại-thần;  
hai Sopéas đại-nhân tòng quyền.

Tỉnh chia làm xã khum liên;  
đứng đầu coi sóc chủ quyền Mekhum.

Nam-vang chính phủ tây Khâm;  
ở gần vua đó tận tâm tàu bàn.

Đứng đầu hội-nghị triều quan;  
quyền cai Đại-pháp lương ban trong ngoài.

Hội-dồng bảo-hộ giúp ngài ;  
hội-dồng thượng-nghị, trong ngoài bách quan.

Sứ toà mỗi hạt một quan ;  
gồm ba bốn tỉnh, các quan theo quyền.

Quan-dồn, Đại-lý phân miêng ;  
hội-dồng toà sứ hạt riêng để mà.

Cao-miên tám hạt gần xa ;  
tám toà Công-sứ chia ba đạo mà.

Hạt về đông, bắc, kể ra ;  
tỉnh Strung-treng, Moulapoumok-poumok.

Đồn Cheona ksan là kho ;  
tỉnh Kompong-cham, đồn to Kratié.

Phía nam hạt rộng dài nghè ;  
Prey-veng tỉnh chính, đồn về Soai-rieng.

Kaldal tỉnh chính tên riêng ;  
lị Kompong-peu tên riêng đây mà.

Ta-kéo là tỉnh thứ ba ;  
lị Kompong-trach, đồn là Kampot.

Hạt về tây, bắc, không to ;  
tỉnh Kompong-chhnang, đồn kho Pursat.

Tỉnh Kompong-thom nữa mà ;  
chính tên tỉnh lị, cũng là thê thời.

Battambang biết một nơi ;  
riêng về Khâm-sứ quyền ngài coi riêng.

Đặt quan Đại-lý chủ quyền ;  
lại còn Đại-lý giúp riêng quan này.

Nam-vang cai trị thê này ;  
quyền quan Độc-lý đem ngày chẵn coi.

Tuần phòng phò xá hần hơi ;  
dưới trên phép tác, trong ngoài bình yên.

## THỔ SẢN

Xem qua thổ sản Cao-miên;  
mỏ thì có sắt ở miền Phnom-dek.

Làm nên khí giới trăm bề;  
chê nên khí dụng về nghề làm ăn.

Nam-kỳ cảnh giới liền gần;  
vùng Battambang vuồi phần vùng Xiêm.

Trong ba xứ ấy một miền;  
mỏ thuận phosphates khai thêm ngày nhiều.

Grand Lac mỏ đá bao nhiêu;  
đền đài miếu mạo, xây nhiều đá hoa.

Xây nên lầu các cửa nhà;  
đền đài đẹp đẽ ấy là Angker.

Cao-miên rừng rú hoang vu;  
xinh nhiều gỗ thức vi chu rườm-rà.

Dầu, sao, go, gỗ, làm nhà;  
cam-lai gỗ trắc, cùng là Santal.

Bương, tre, mây, mái, cây sơn;  
cây cardamomes, chan vàn caoutchouc.

Cao-miên nuôi lắm trâu, bò;  
đem từng muôn vạn bán cho nước ngoài.

Không nề bề cách, đường dài;  
một là Philip, thứ hai Nam-kỳ.

Cao-miên lắm cá khôn bì;  
ngòi, sông, hồ, bể, lắm khi rất nhiều.

Cao-miên màu mỡ phì nhiêu;  
lúa, ngô, chàm, mía, hồ-tiêu, bông, giầu.

Cây vừng, cây thuốc, cây giầu;  
và cây bông-dại, kém mẫu bông ta.

Chỉ làm chẵn đệm qua loa;  
không làm được vải, như là bông khôn.  
Cao-miên bãi tốt đùn-đùn;  
chờ khi nước xuống dọn luôn mà giống.  
Ấy là những bãi bờ sông;  
quanh năm mẫu-mỡ quen giống cham-car.  
Thủy cơ trí sảo bày ra;  
một làm dầu cá, hai là phơi khô.

### KỸ NGHỆ

Máy cưa xẻ gỗ làm đồ;  
nhiều nơi đã mở trên bờ các sông.  
Nhật nhà máy xẻ tỉnh Chlong;  
quan tây mới mở lạ-lùng lớn-lao.  
Còn như lò bát biêt hao;  
thành Kompong-chhnang ngày nào cũng nung.  
Lò đun gạch ngói dùng-đùng;  
đâu đâu cũng tiện, để dùng mà xây.  
Nam-vang mặt bắc xưa nay;  
làng Ksach-Kandal mây rẫy bạt bông.  
Bông thì dệt vải mà dùng;  
hạt làm dầu nấu sà-phòng tốt thay.  
Nhân đâu lại có nghề này;  
nuôi tằm, kéo sợi, đềm ngày dệt tơ.

### ĐƯỜNG THÔNG THƯƠNG

Cao-miên dương xá vu-vơ;  
vãng lai buôn bán chỉ nhờ các sông.  
Tàu bè xuôi ngược thông-dong;  
nhật là những thặng thu, dòng đi hoải.

Mékong sông nước thanh-thời;  
nhờ quan Bắc-vật đại tài dò xem;

Nơi nào đã có sạn lèn;  
thả liền phao nổi, nhận quen thác ghềnh.

Tàu bè xuôi ngược vung-vinh;  
ghềnh Khône giờ xuống không kinh sợ gì.

Chỉ còn một khúc tí-tì;  
Kratie phía bắc, đi thì khí lo.

Còn khi đi bộ tải đồ;  
dùng voi chở nặng, dùng bò kéo xe!

Hẹp-hòi đường xá đi về;  
quan Tây sức đắp tư bề đường to.

Hai nghìn rưỡi cột ki-lô (*kilom.*);  
nghìn hai giải đá san cho rõ bằng.

Các đường nối tỉnh Phnom-penh;  
Takeo giăng đèn thẳng bằng Kampot.

Phnom-penh nối Kompong-speu;  
Phnom-penh nối đến tỉnh Kompong-Chhnang.

Pursat đến Battambang;  
liền Sisaphon thẳng bằng một dằng.

Banam nối với Saïgon;  
đi qua lăm khúc, lại vòng Soai-rieng.

### BUÔN BÁN

Còn điều thương mại Cao-miên;  
hầu như buôn bán với nguyên Nam-kỳ.

Đồ hàng xuất cảng đem đi;  
trầu, bò tải bán ở Philip gò (*Philippines*).

Đã nhiều gạo, lại nhiều ngô;  
rất nhiều da vật, bông khô cũng nhiều.

Hàng về chẳng có bao nhiêu;  
năm ba cân sắt, ít nhiều vải nhung.

Phnom-penh các chợ buôn thông;  
kẻ buôn, người bán chợ đông kin-kin.

Số người chừng sáu mươi nghìn;  
thành trì phô xá bên triền Mékong.

Chính nơi khúc lượn đường vòng;  
sang Xiêm, Laos, lại thông Nam-kỳ.

Thông thương các nước chẳng kỳ;  
nhiều tầu vượt bể ghé kẻ tận nơi.

Phnom-penh nói đã xong rồi;  
còn nhiều tỉnh lớn, cũng thời danh đây.

Trên đường giáp vụng Xiêm này;  
Takéo tỉnh ấy sang ngay Kampot.

Trên đường sang xứ Nam-cờ;  
Prey-veng tỉnh ấy cũng là Soai-rieng.

Trên đường Laos giáp liền;  
Kompong-cham tới liền Kratié.

Stung-treng tỉnh ấy gần kẻ;  
ấy là ba tỉnh giáp kẻ thăng-răng.

Còn như tỉnh Battambang;  
tỉnh Kompong-Chhnang về đàng sang Xiêm.

---



## PHẦN THỨ SÁU

LƯỢC DIỄN ĐỊA-DƯ NƯỚC LÀO

### CẢNH GIỚI

Nước Lào đất rộng thênh-thang;  
tại Đông-dương Pháp rõ-ràng phần tây.  
Xiêm-la, Diên-điện mặt tây;  
Cao-miên nam hướng, đông nay Trung-kỳ.  
Bắc liền Bắc-quốc, Bắc-kỳ;  
hai-trăm mười bốn nghìn kilomè. (*km.*)

### RỪNG NÚI

Nước Lào rừng núi nhiều ghê;  
chia làm hai xứ chẳng hề nghi nan.  
Thượng Lào rừng núi một làn;  
đỉnh cao phồng độ vài ngàn thước thôi.  
Pou-bia vuôi núi Pou-lôi;  
Huapanh đôi ây vuôi đôi Tràn-ninh.  
Thước cao đến một nghìn linh;  
quanh quanh nôi vuôi rừng xanh Bắc-kỳ.  
Nhưng mà rẫy núi phân chi;  
làm nên hướng khác, phát đi thề này.  
Từ đông-bắc đến nam-tây;  
không cứ tây-bắc theo quây nam-đông.  
Vây ngăn thung-lũng hai dòng;  
Hắc-giang sông ây và sông Nhị-hà.  
Mặt đông hai núi trờ ra;  
Huapanh là một, hai là Tràn-ninh.

Dần dần đổi hướng quanh quanh;  
bắc, tây, giáng thẳng chạy quanh nam, đông.

Ở đây còn núi một vùng;  
Trung-kỳ mặt bắc giáp cùng đồ ra.

Pou-luong rẫy núi đây mà;  
làm nên phần bắc núi là Hoành-son.

Đường như giới kiệt hai dòng;  
Trung-kỳ phân biệt khỏi vòng Ai-lao.

Núi liền ba xứ nước Lào;  
thượng Lào nối với trung Lào và Nam.

Một miền tóm cả Trung, Nam;  
mông-mênh tả ngạn về làn Mékong.

Làm nên còn đồng lòng-bông;  
dựa lưng vào núi Hoành-son đó mà.

Cuốn-cuốn nước chảy tuôn ra;  
thuần là những ngách sông là Mékong.

### KHÍ GIỜ

Nước Lào hai tiết thông-dong;  
hanh hanh tiết rét, dòng dòng tiết mưa.

Tháng mười mãi đến tháng tư;  
giờ hanh hanh mãi, từ từ thê thoi.

Tháng chạp mãi đến tháng hai;  
tiết thì rét lắm, khí giờ hanh hanh.

Chung bình độ rét Vièntiane;  
thường thường hăm một, lên thành hăm tư.

Xieng-khouang rét lắm mười tư;  
rét vừa mười bảy, từ từ thê thoi.

Tháng ba nắng đã thêm rồi;  
vượt hơn hăm tám, khí giờ thê thoi.

Xieng-khouang độ nắng đã đành ;  
bao giờ nắng lắm, độ thành hăm ba.

Tháng tư, năm, sáu, mưa sa ;  
ngày thì bức lắm, đêm đã mát hơn.

Nước Lào mưa lũ luôn luôn ;  
lắm kỳ giông táp, nhiều cơn bão-bùng.

### SÔNG NƯỚC

Nước Lào có giải Mékong ;  
là sông lớn nhất cõi Đông-dương mà.

Năm cõi xét các sông ra ;  
hạng sông lớn nhất, ấy là Mékong.

Ta thường quen gọi Cửu-long ;  
dài kilômétres ước trong bốn ngàn.

Phát nguyên từ núi Tây-tàng ;  
chảy qua Bắc-quốc, chảy sang nước Lào.

Bắt đầu địa hạt làm sao ;  
ba trăm thước rộng, cũng vào bốn trăm.

Mãi từ Luang-prabang ;  
Vièntiane đèn đỏ, lắm hàng núi non.

Đền nơi chính tỉnh Xieng-khouang ;  
quanh co ghềnh thác, không thông đi viên.

Xieng-khouang mãi đền Vièntiane ;  
còn nhiều khúc-khuỷnh, thác ghềnh cheo-leo.

Nhưng mà thuyền nhỏ dễ chèo ;  
nước lên tàu lớn cũng theo mà vào.

Tà hà những gác chạy giào ;  
Mékong khúc ấy chứa nhiều sông ngang.

Nam Ta lại đền Nam Beng ;  
Nam Hou lại đền Nam Khan đó mà.

Luang-prabang ngã ba;  
Nam Khan chảy xuống sông là Mékong.

Vièntiane mực nước cao hung;  
gần ba trăm thước lòng sông rẫy đáy.

Một nghìn lẻ sáu trăm cây;  
cách xa cửa bể mới hay là dài.

Chặng qua lườn núi non hoai;  
làm nên thác ấy, ghềnh này nhập-nhò.

Kemmarat thác lô-nhò;  
một trăm năm chục ki-lô (*kilomètres*) chiều dài.

Ghềnh Khòne lắm ngọn cao hoai;  
cao mười lăm thước đá ngồi nhập-nhò.

Thác thì khó ngược thuyền dò;  
ghềnh thì ngáng trở, không cho đi về.

Nhưng còn một khúc dài ghê;  
không ghềnh không thác, thuyền về tàu ra.

Năm trăm cây, quãng ấy mà;  
Keng-kabao đèn đây là Keng-tian.

Ghềnh Khòne mãi đèn Vièntiane;  
tả hà nhiều ngách nước tràn chảy qua.

Nam Ngoum, Nam Nhiep, Nam San;  
Nam Ka-dinh vuôi sông rặng le Don.

Nam Hin-boun nước chảy hung;  
le Bang-fai nước cũng không kém gì.

Se Bang-hien chảy tí-tì;  
ấy là những ngách chảy đi tả hà.

Hai sông hữu ngạn đây mà;  
Sé Moun chứa nước sông là Nam Si.

### NHÂN SỞ

Nước Lào nhân số lưu li ;  
ước chừng một triệu kể thì là bao.

Quân Kha ở núi trên Lào ;  
dường như quân Mọi, khác nao quân Mường.

Dân Lào bắt phá ruộng nương ;  
chỉ làm đẫy-tớ kiếm lương nuôi mình.

Dân Lào ăn uống như tinh ;  
lúa, ngô, rau, cá, vật sinh sẵn về.

Chỉ ưa buôn bán thuyền bè ;  
chèo thuyền lên thác, xuống khe cũng tài.

Còn nghề làm ruộng bỏ hoài ;  
cây bừa thuê mượn một loài quân Kha.

Ái-lao làng-nước lơ-thơ ;  
mỗi chòm điều có thổ-ti quyền hành.

### CAI TRỊ

Tổng gồm mây xã quanh quanh ;  
có ông chánh-tổng hoành hoành coi dân.

Tỉnh Mường gồm lắm tổng quân ;  
Tiao-muong cai trị nhân dân hoành hoành.

Thuộc quyền tôn-thật rành rành ;  
nhiều ông tôn-thật quyền hành nhiều nơi.

Bây giờ có một mà thời ;  
Luang-prabang chính ngôi vua Lào.

Quan tây bảo-hộ thế nào ;  
có toà Khâm-sứ đóng vào Vièntiane.

Các quan Đại-pháp vâng quyền ;  
vâng theo nghị-định cầm quyền coi dân.

Có mười tỉnh lớn mới phân ;  
Lào trung, thượng, hạ, chia phần làm ba.  
Haut Mékong tỉnh bắc mà ;  
Ban-houei-sai li, đôn là Muong-sing.  
Luang-prabang tỉnh thành ;  
Muong-hou Đại-lý đã rãnh Pak-lay.  
Sam-neua tỉnh mới mở nay ;  
Trần-ninh chính tỉnh, li dầy Xieng-khouang.  
Vièntiane tỉnh giáp Mékong ;  
có toà Khâm-sứ lâu hồng điểm trang.  
Này hai tỉnh chính trung phương ;  
Cammou tỉnh chính, li đường Thak-hek.  
Tỉnh là Savannakhet ;  
Tchepon Đại-lý chẳng hề nghỉ nan.  
Hạ Lào ba tỉnh một làn ;  
Attopeu vuôi Saravane rō-ràng.  
Paksé tỉnh ở cuối phương ;  
Khône là Đại-lý, đôn Khône, Bassac.

### THỎ SẮN

Ái-lao thỏ sắn bày ra ;  
mỏ vàng, đồng, sắt, cùng là mỏ than.  
Thầy nhiều thứ mỏ chan chan ;  
Luang-prabang vuôi làn Vièntiane.  
Sam-neua vuôi tỉnh Trần-ninh ;  
Savannakhet có danh mỏ Lào.  
Nhưng chưa khai được cái nào ;  
chỉ vì chưa tiện lối vào đường ra.  
Núi rừng cây cối bao mà ;  
nhiều cây lầy dựa, nhất là sỏi thông.

Stiek-lac vuồi Cardamome ;

Benjoin là thứ cây dùng gỗ hương.

Còn như mầu-nỡ ruộng-nương ;

trung Lào, hạ Lào, thường thường phì nhiêu.

Lúa, ngô, rau, cá, bao nhiêu ;

chè, dầu, thuốc, mía, cũng nhiều chàm, giầu.

Thượng Lào chả có gì đầu ;

bông, vừng, thuốc phiện, giống mầu bày nhiều.

Rừng này cây lụi thật nhiều ;

Tầu mua làm gậy làm nhiều cán ô.

Lại xem súc vật Laos ;

chăn nuôi thịnh lợi, trâu, bò, rất đông.

Trân-ninh nhât, nhì Cammon ;

Savannakhet cũng không kém gì.

Tải sang Philip đôi khi ;

đem sang Diên-diện thì đi đường liền.

Rừng Lào, trung, hạ, hai miền ;

vòi rừng lăm-lăm, lạp-diễn hay săn.

Ngà thì bán, thịt thì ăn ;

con nào bắt sông, để dành mà nuôi.

Ít nhiều kỹ nghệ mà thôi ;

năm ba khung cửi, một vài guồng tơ.

Vièntiane nhât, nhì Sam-neua ;

Pak-hin-boun cũng làm tơ nái mà.

Lò vôi mới mở năm ba ;

Vièntiane tốt nhât, nhì là Cammon.

Savannakhet cũng nung ;

là vôi tốt lăm, bán thông nước Lào.

Đái vàng ở những sông nào ;

Luang-prabang lại vào Xieng-khouang,

Và sông Battapeu một dòng;  
bòn vàng dưới cát, thành công trên đời.  
Khai ra sắt tốt hai nơi;  
Luang-prabang, Sam-neua đó mà.  
Máy cửa gỗ mở mang ra;  
Luang-prabang, cùng là đồn Khône.  
Thiêu khai tại Pak-hin-boum;  
Nam-sang núi ấy khai luôn mỏ vàng.

### ĐƯỜNG THÔNG THƯƠNG

Nước Lào không có nhiều đường;  
đường đi lồi lạo, rõ-ràng loanh-quanh.  
Còn đường khí lớn có danh:  
Keng-kabao đến tận thành Quang-tri.  
Ai-lao quèn phải năng đi;  
còn nhiều lồi tạt phải đi khó lòng.  
Đường Vinh thẳng đến Bandon;  
Pakan thẳng đến Xieng-khouang đó mà.  
Xieng-khouang đến Vinh không xa;  
nhiều đường chẳng đáng kể ra làm gì.  
Hễ mưa liền lội tức thì;  
xong mùa mưa lũ, phải đi đắp đường.  
Mékong khúc khừ phi thường;  
từng nơi đi được thuyền xuống phải quanh.  
Đi thông một quãng rành-rành;  
Savannakhet đến thành Vièntiane.  
Lại còn một khúc rộng liền;  
Paksé chạy xuôi đến miền ghềnh Khône.  
Còn thì những khúc lòng-chông;  
nửa năm cạn hán, thật khôn đi thuyền.



Ài-lao buôn bán quen miến;  
tây, nam mặt ấy sang liền Bang-kok.  
Sang Xiêm bán tại kinh-đô;  
Benjoin, Stich-lac những đồ bày nhiều.  
Đem ra Hà-nội rất nhiều;  
cau-xu, cánh-kiên, cùng nhiều sa-nhân.  
Đông-dương nhập cảng nhiều phần;  
vô vản vải, giấy, vô vản sợi, bông.  
Dầu, diêm, thuốc, muối, sắt, đồng;  
chỉ vàng, chỉ bạc, để dùng mà thêu.

---

Kề trong năm côi thì nhiều;  
xong đây lược kê bấy nhiêu câu cần.  
Đặt ra lục bát cho vắn;  
để xem dễ nhớ lại phần vui tai.  
Thật là chẳng dám tự tài;  
theo như chính sách các bài diễn ra.  
Địa-dur nên năng xem qua;  
càng xem càng thấy nhiều là điều hay.

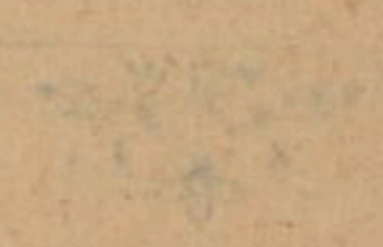
CHUNG TẤT

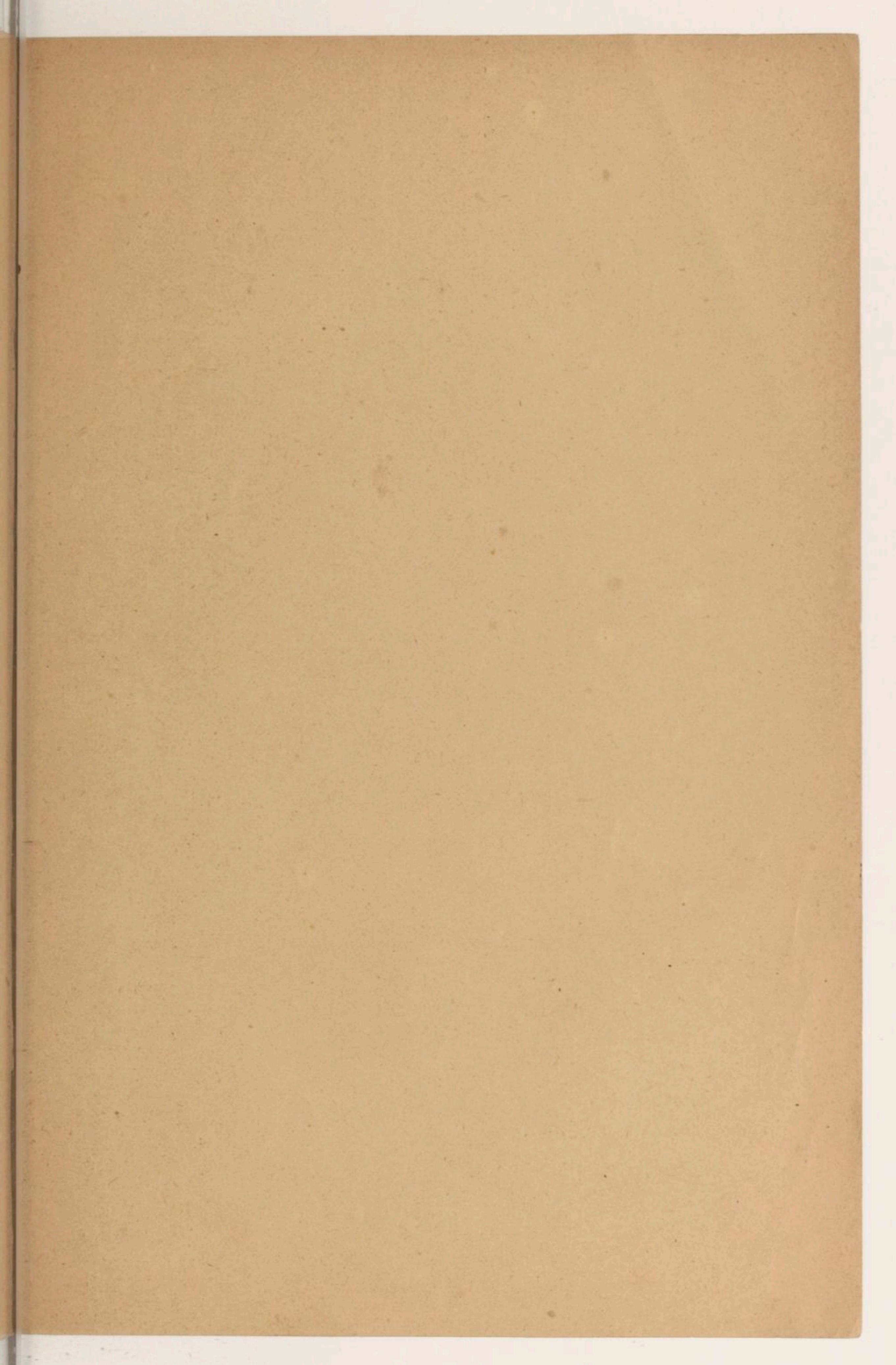


1. Trong năm có thi thi  
 2. Trong năm có thi thi  
 3. Trong năm có thi thi  
 4. Trong năm có thi thi  
 5. Trong năm có thi thi  
 6. Trong năm có thi thi  
 7. Trong năm có thi thi  
 8. Trong năm có thi thi  
 9. Trong năm có thi thi  
 10. Trong năm có thi thi

1. Trong năm có thi thi  
 2. Trong năm có thi thi  
 3. Trong năm có thi thi  
 4. Trong năm có thi thi  
 5. Trong năm có thi thi  
 6. Trong năm có thi thi  
 7. Trong năm có thi thi  
 8. Trong năm có thi thi  
 9. Trong năm có thi thi  
 10. Trong năm có thi thi

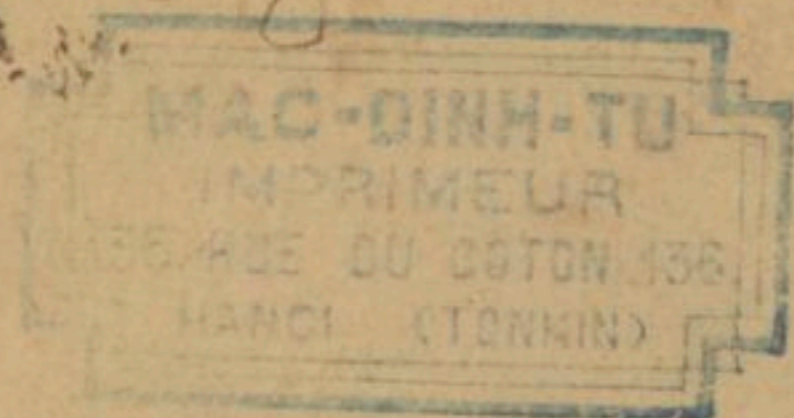
CHIẾC TAT





Tirage, mille exemplaires

Hanoi, le 24 Avril 1918



*M. D. Tu*